

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:**

Chủ đầu tư: Kho J102/Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật.

Bên mời thầu: Kho J102/Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ Thuật.

Dự toán: Mua vật tư sửa chữa, đồng bộ 05 xe ô tô và thùng công trình xa.

Gói thầu: Mua sắm MS 02/J102 năm 2025.

Địa điểm: Xã Phú Sơn, Tỉnh Ninh Bình.

Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Ngân sách nhà nước giao.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày.

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:**

##### **a. Yêu cầu kỹ thuật chung:**

- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải bảo đảm mới 100% chưa qua sử dụng, đúng nhãn mác, theo đúng tiêu chuẩn, được đóng gói theo quy cách của nhà sản xuất, sản xuất không trước năm 2025, đúng chủng loại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

##### **b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể**

- *Xuất xứ và tiêu chuẩn:*

+ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

+ Sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) hoặc tiêu chuẩn quốc tế tương đương (ISO, ASTM, JIS...).

+ Có đầy đủ giấy tờ chứng minh xuất xứ và chất lượng (CO, CQ).

- *Chất lượng vật liệu:*

+ Vật liệu chính sử dụng phải đạt tiêu chuẩn về cơ lý, hóa học, độ bền và an toàn.

+ Không chứa tạp chất, không gây hại đến sức khỏe con người và môi trường.

- *Kết cấu và gia công:*

+ Gia công chính xác, mối hàn/mối ghép đồng đều, chắc chắn, không khuyết tật.

- + Các cạnh sắc được mài nhẵn, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
- Sơn và xử lý bề mặt:
  - + Bề mặt kim loại được xử lý chống gỉ trước khi sơn.
  - + Sơn phủ đều, bám chắc, màu sắc đúng theo yêu cầu (ví dụ: xanh bộ đội, rằn ri...).
- Bao gói và bảo quản:
  - + Bao gói đảm bảo chống ẩm, chống bụi, chống va đập.
  - + Trên bao bì ghi rõ tên hàng hóa, nhà sản xuất, ngày sản xuất, lô hàng.
- Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Đệm cổ hút	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Kích thước: 1100 mm × 60 mm × 3 mm. - Vật liệu: Cao su tổng hợp (NR, NBR hoặc EPDM) chịu dầu, chịu mài mòn và thời tiết. - Độ cứng: 60 ± 5 Shore A. - Màu sắc: Đen. - Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +120°C (cao su NBR/EPDM). - Khả năng chịu hóa chất: Chống dầu, xăng, dung môi nhẹ; chống ozone và tia UV (với EPDM)
2	Đệm cổ xả	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Kích thước: 1100 mm × 80 mm × 3 mm. - Vật liệu: Cao su tổng hợp (NR, NBR hoặc EPDM) chịu dầu, chịu mài mòn và thời tiết. - Độ cứng: 60 ± 5 Shore A. - Màu sắc: Đen. - Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +120°C (cao su NBR/EPDM). - Khả năng chịu hóa chất: Chống dầu, xăng, dung môi nhẹ; chống ozone và tia UV (với EPDM)

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
3	Dây cu roa C64	<p>Xuất xứ: Thái Lan hoặc tương đương  Dây cu roa C64 hoặc tương đương  - Loại tiết diện: C (Classical V-belt).  - Chiều rộng mặt trên (Top Width): 22 mm (<math>\approx 7/8</math> inch).  - Chiều cao (Thickness): 14 mm (<math>\approx 17/32</math> inch).  - Chu vi danh nghĩa (Inside Length – Li): 64 inch <math>\approx 1626</math> mm.  - Chu vi ngoài (Outside Length – La): <math>\sim 1655</math> mm.  - Vật liệu: Cao su tổng hợp chịu mài mòn + sợi polyester/aramid gia cường.  - Dải nhiệt độ làm việc: <math>-30^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+90^{\circ}\text{C}</math>.</p>
4	Dây cu roa B44	<p>Xuất xứ: Thái Lan hoặc tương đương  Dây cu roa B44 hoặc tương đương  - Kích thước:  + Chiều rộng mặt trên (Top Width): 17 mm (<math>\approx 21/32</math> inch)  + Chiều cao (Thickness): 11 mm (<math>\approx 13/32</math> inch)  + Chiều dài bên trong (Inside Length – Li): 44 inch <math>\approx 1118</math> mm  + Chiều dài hiệu dụng (Pitch Length – Lp): <math>\sim 1143</math> mm  + Chiều dài ngoài (Outside Length – La): <math>\sim 1168</math> mm  - Vật liệu: Cao su tổng hợp chịu mài mòn (Neoprene hoặc EPDM)</p>
5	Dây cu roa A55	<p>Xuất xứ: Thái Lan hoặc tương đương  Dây cu roa A55 hoặc tương đương  - Loại tiết diện: A (Classical V-belt)  - Kích thước:  + Chiều rộng mặt trên (Top Width): 13 mm (<math>\approx 1/2</math> inch)  + Chiều cao (Thickness): 8 mm (<math>\approx 5/16</math> inch)  + Chiều dài bên trong (Inside Length – Li): 55 inch <math>\approx 1397</math> mm  + Chiều dài hiệu dụng (Pitch Length – Lp): <math>\sim 1422</math> mm  + Chiều dài ngoài (Outside Length – La): <math>\sim 1448</math> mm  - Vật liệu: Cao su tổng hợp (Neoprene hoặc EPDM) chịu mài mòn</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
6	Ống cao su kết nước Φ45x400	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: Φ45 mm</li> <li>- Chiều dài: 400 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp EPDM (Ethylene Propylene Diene Monomer) chịu nhiệt, chịu áp lực.</li> <li>- Độ dày thành ống: 3 – 5 mm</li> <li>- Màu sắc: Đen (tiêu chuẩn).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +125°C (chịu được nhiệt độ cao trong khoang động cơ).</li> <li>- Áp suất làm việc: 0,5 – 1,5 MPa</li> </ul>
7	Ống cao su kết nước Φ50x400	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: Φ50 mm</li> <li>- Chiều dài: 400 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp EPDM (Ethylene Propylene Diene Monomer) chịu nhiệt, chịu áp lực.</li> <li>- Độ dày thành ống: 3 – 5 mm</li> <li>- Màu sắc: Đen (tiêu chuẩn).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +125°C (chịu được nhiệt độ cao trong khoang động cơ).</li> <li>- Áp suất làm việc: 0,5 – 1,5 MPa</li> </ul>
8	Ống cao su kết nước Φ27x800	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: Φ27 mm</li> <li>- Chiều dài: 800 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp EPDM (Ethylene Propylene Diene Monomer) chịu nhiệt, chịu áp lực.</li> <li>- Độ dày thành ống: 3 – 5 mm</li> <li>- Màu sắc: Đen (tiêu chuẩn).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +125°C (chịu được nhiệt độ cao trong khoang động cơ).</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		cơ). - Áp suất làm việc: 0,5 – 1,5 MPa
9	Phốt làm kín bơm nước	Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: + Đường kính ngoài (OD): 165 mm + Đường kính trong (ID): 135 mm + Độ dày: 6 mm - Vật liệu: Cao su NBR (Nitrile Butadiene Rubber) chịu nước, chịu nhiệt. - Độ cứng cao su: 60 ± 5 Shore A. - Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +100°C. - Áp suất làm việc: 0,5 – 2,5 MPa
10	Van hằng nhiệt	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Van hằng nhiệt VD168 hoặc tương đương - Nhiệt độ mở van (Opening Temperature): ~82 ± 2°C - Nhiệt độ mở hoàn toàn: ~95°C - Đường kính ngoài van: 50 – 55 mm (tùy loại xe/máy ứng dụng) - Hành trình mở: ≥ 8 mm - Vật liệu chế tạo: + Thân van: Thép không gỉ + Phần tử cảm biến: Sáp nhiệt (wax pellet) + Gioăng làm kín: Cao su chịu nhiệt EPDM/NBR - Tiêu chuẩn tham chiếu: ISO 9001, SAE J2069.
11	Ống cao su chịu dầu Φ20x950	Xuất xứ: Việt Nam - Đường kính trong (ID): 20 mm - Chiều dài: 950 mm - Độ dày thành ống: 3 – 5 mm - Vật liệu: Cao su tổng hợp NBR (Nitrile Butadiene Rubber) - Gia cường: Bó sợi vải Polyester hoặc sợi tổng hợp chịu lực, tăng khả năng chịu áp suất.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải nhiệt độ làm việc: -20°C đến +100°C</li> <li>- Khả năng chịu dầu: Chịu được dầu khoáng, nhiên liệu (xăng, dầu diesel), mỡ bôi trơn, dung môi nhẹ.</li> <li>- Áp suất làm việc: 10 – 20 bar (tùy loại ống).</li> <li>- Áp suất nổ: <math>\geq 3</math> lần áp suất làm việc.</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> </ul>
12	Ống cao su chịu dầu $\Phi 32 \times 130$	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong (ID): 32 mm</li> <li>- Chiều dài: 130 mm</li> <li>- Độ dày thành ống: 3 – 5 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp NBR (Nitrile Butadiene Rubber)</li> <li>- Gia cường: Bổ sợi vải Polyester hoặc sợi tổng hợp chịu lực, tăng khả năng chịu áp suất.</li> <li>- Dải nhiệt độ làm việc: -20°C đến +100°C</li> <li>- Khả năng chịu dầu: Chịu được dầu khoáng, nhiên liệu (xăng, dầu diesel), mỡ bôi trơn, dung môi nhẹ.</li> <li>- Áp suất làm việc: 10 – 20 bar (tùy loại ống).</li> <li>- Áp suất nổ: <math>\geq 3</math> lần áp suất làm việc.</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> </ul>
13	Ống cao su chịu dầu $\Phi 48 \times 90$	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong (ID): 48 mm</li> <li>- Chiều dài: 90 mm</li> <li>- Độ dày thành ống: 3 – 5 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp NBR (Nitrile Butadiene Rubber)</li> <li>- Gia cường: Bổ sợi vải Polyester hoặc sợi tổng hợp chịu lực, tăng khả năng chịu áp suất.</li> <li>- Dải nhiệt độ làm việc: -20°C đến +100°C</li> <li>- Khả năng chịu dầu: Chịu được dầu khoáng, nhiên liệu (xăng, dầu diesel), mỡ bôi trơn, dung môi nhẹ.</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất làm việc: 10 – 20 bar (tùy loại ống).</li> <li>- Áp suất nổ: <math>\geq 3</math> lần áp suất làm việc.</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> </ul>
14	Lưới lọc dầu	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương  Thương hiệu: Hyundai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính ngoài: 45 mm</li> <li>- Chiều dài: 165 mm</li> <li>- Vật liệu:</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thân lọc: Lưới thép không gỉ (Inox 304 hoặc Inox 316), chịu ăn mòn và chịu nhiệt.</li> <li>+ Khung đỡ: Thép hoặc inox dập định hình.</li> <li>+ Độ mịn lưới lọc: 60 – 120 mesh (tùy theo yêu cầu lọc).</li> <li>- Khả năng làm việc:</li> <li>+ Nhiệt độ: -20°C đến +150°C</li> <li>+ Áp suất: 5 – 10 bar</li> </ul>
15	Ty ô cao su có đai ốc hai đầu $\Phi 20 \times 1800$	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong (<math>\Phi</math>): 20 mm.</li> <li>- Chiều dài: 1800 mm.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Ống cao su chịu dầu, gia cường bằng lớp bố vải hoặc thép xoắn, hai đầu được ép nút kim loại kèm đai ốc ren để kết nối.</li> <li>- Áp lực làm việc: 10 – 25 MPa</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +120°C.</li> <li>- Độ kín khít: Không rò rỉ dầu trong điều kiện áp lực danh định.</li> </ul>
16	Ty ô cao su có đai ốc hai đầu $\Phi 27 \times 1600$	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong (<math>\Phi</math>): 27 mm.</li> <li>- Chiều dài: 1600 mm.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Ống cao su chịu dầu, gia cường bằng lớp bố vải hoặc thép xoắn, hai đầu được ép nút kim loại kèm đai ốc ren để kết nối.</li> <li>- Áp lực làm việc: 10 – 25 MPa</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ làm việc: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+120^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>- Độ kín khí: Không rò rỉ dầu trong điều kiện áp lực danh định.</li> </ul>
17	Tuy ô đồng $\Phi 10 \times 1$	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính ngoài: 10 mm.</li> <li>- Độ dày thành ống: 1 mm.</li> <li>- Vật liệu: Đồng nguyên chất <math>\geq 99,9\%</math></li> <li>- Đặc tính cơ lý:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 200</math> MPa.</li> <li>+ Độ cứng: HV40–80</li> <li>+ Khả năng chịu nhiệt: <math>-50^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+200^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul> </li> </ul>
18	Tuy ô đồng $\Phi 8 \times 1$	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính ngoài: 8 mm.</li> <li>- Độ dày thành ống: 1 mm.</li> <li>- Vật liệu: Đồng nguyên chất <math>\geq 99,9\%</math></li> <li>- Đặc tính cơ lý:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 200</math> MPa.</li> <li>+ Độ cứng: HV40–80</li> <li>+ Khả năng chịu nhiệt: <math>-50^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+200^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul> </li> </ul>
19	Tuy ô đồng $\Phi 6 \times 1$	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính ngoài: 6 mm.</li> <li>- Độ dày thành ống: 1 mm.</li> <li>- Vật liệu: Đồng nguyên chất <math>\geq 99,9\%</math></li> <li>- Đặc tính cơ lý:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 200</math> MPa.</li> <li>+ Độ cứng: HV40–80</li> <li>+ Khả năng chịu nhiệt: <math>-50^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+200^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul> </li> </ul>
20	Tuy ô cao su chịu dầu $\Phi 8 \times 5$	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính trong: 8 mm</li> </ul> </li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ dày thành ống: 5 mm</li> <li>+ Đường kính ngoài: 18 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp (NBR hoặc tương đương), có lớp bố vải gia cường.</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Chịu dầu, xăng, nhiên liệu.</li> <li>+ Chịu áp lực làm việc: 1,0 – 2,0 MPa (tùy loại).</li> <li>+ Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +100°C.</li> <li>+ Màu sắc: Đen, bề mặt nhẵn.</li> </ul>
21	Ty ô cao su 2 đầu cắt ren ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính trong: 12 mm</li> <li>- Chiều dài: 750 mm</li> <li>- Cấu tạo: Ống cao su chịu dầu, gia cường bằng lớp bố vải hoặc thép xoắn. Hai đầu được ép cắt kim loại ren ngoài (thép mạ kẽm hoặc inox), có khả năng kết nối ren với hệ thống.</li> <li>- Áp lực làm việc: 1,5 – 2,5 MPa (tùy loại tùy ô).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +100°C.</li> <li>- Đặc tính: Chịu dầu, chịu mài mòn, độ kín khít cao, chống rò rỉ.</li> </ul>
22	Phốt hộp tay lái	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Phốt hộp tay lái Zil 131 hoặc tương đương</li> <li>- Vật liệu: Cao su chịu dầu (NBR, FKM) + khung thép mạ chống gỉ.</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đường kính trong: ~45–50 mm</li> <li>+ Đường kính ngoài: ~65–70 mm</li> <li>+ Bề dày: ~8–12 mm</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: –40°C đến +120°C</li> <li>- Áp suất làm việc: ≤ 0,5 MPa</li> <li>- Đặc tính:</li> <li>+ Chịu mài mòn, chịu dầu thủy lực, chống rò rỉ.</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		+ Đảm bảo độ kín khít của hộp tay lái trong quá trình vận hành. - Tiêu chuẩn áp dụng: GOST (tiêu chuẩn Nga)
23	Vòng bi trụ	Xuất xứ: Đức hoặc tương đương - Kích thước: + Đường kính trong (d): 115 mm + Đường kính ngoài (D): 125 mm + Bề rộng (B): 55 mm - Cấu tạo: Vòng trong và vòng ngoài bằng thép bi – thép ổ lăn. Dây con lăn hình trụ, có vòng cách định vị. - Độ chính xác: P0 – P6 (theo ISO 492) - Vật liệu: Thép bi 100Cr6 – Đức hoặc tương đương - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +120°C.
24	Vòng bi cầu	Xuất xứ: Đức hoặc tương đương - Kích thước: + Đường kính ngoài (D): 125 mm + Đường kính trong (d): 100 mm + Bề rộng (B): 55 mm - Cấu tạo: + Vòng trong và vòng ngoài bằng thép ổ lăn Bi cầu bằng thép tôi cứng. + Vòng cách bằng thép dập hoặc đồng thau. - Độ chính xác: P0 – P6 (theo ISO 492). - Vật liệu: Thép bi – thép ổ lăn - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +120°C.
25	Phốt cao su có lò xo	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Kích thước: + Đường kính trong (d): 114 mm + Đường kính ngoài (D): 145 mm + Độ dày (b): 14 mm - Cấu tạo & vật liệu:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vật liệu chính: Cao su tổng hợp chịu dầu</li> <li>+ Khung phốt: Thép mạ kẽm chống gỉ.</li> <li>+ Lò xo: Lò xo xoắn tròn giữ mép phốt ôm chặt trục, đảm bảo độ kín khí.</li> <li>- Đặc tính kỹ thuật:</li> <li>+ Chịu dầu khoáng, dầu thủy lực, mỡ bôi trơn.</li> <li>+ Nhiệt độ làm việc: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+120^{\circ}\text{C}</math> (NBR), hoặc <math>-20^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+200^{\circ}\text{C}</math> (FKM).</li> <li>+ Áp suất làm việc: <math>\leq 0,5</math> MPa.</li> <li>+ Chống mài mòn, độ đàn hồi tốt, tuổi thọ cao.</li> </ul>
26	Má phanh chân	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài (L): 350 mm</li> <li>+ Chiều rộng (W): 110 mm</li> <li>+ Độ dày (T): 25 mm</li> <li>- Cấu tạo:</li> <li>+ Lớp ma sát: Vật liệu bó phanh tổng hợp (sợi hữu cơ, bột đồng, sợi thép, cao su chịu nhiệt, nhựa phenolic).</li> <li>+ Lớp nền: Thép tấm chịu lực, mạ chống gỉ.</li> <li>- Đặc tính kỹ thuật:</li> <li>+ Độ bền cơ học cao, chịu mài mòn tốt.</li> <li>+ Hệ số ma sát ổn định: 0,35 – 0,45 (trong điều kiện khô); giảm ít khi ướt.</li> <li>+ Chịu nhiệt: <math>\leq 300^{\circ}\text{C}</math> (không cháy, không nứt).</li> <li>+ Không chứa amiăng (asbestos-free).</li> <li>+ Độ ồn thấp, phanh êm, an toàn.</li> </ul>
27	Má phanh tay	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài (L): 350 mm</li> <li>+ Chiều rộng (W): 110 mm</li> <li>+ Độ dày (T): 25 mm</li> <li>- Cấu tạo:</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lớp ma sát: Hợp chất bột phanh tổng hợp (sợi hữu cơ, bột đồng, sợi thép, nhựa phenolic chịu nhiệt).</li> <li>+ Lớp nền: Thép định hình chịu lực, mạ chống gỉ.</li> <li>- Đặc tính kỹ thuật:</li> <li>+ Hệ số ma sát ổn định: 0,35 – 0,45.</li> <li>+ Chịu nhiệt: <math>\leq 250\text{--}300^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>+ Chống mài mòn, không gây xước tang trống.</li> <li>+ Không chứa amiăng (Asbestos-free).</li> <li>+ Độ ồn thấp, phanh êm, tuổi thọ cao.</li> </ul>
28	Bát phanh cao su	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Đường kính trong (d): 14 mm</li> <li>+ Đường kính ngoài (D): 114 mm</li> <li>+ Độ dày (h): 11 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su kỹ thuật (NR, NBR hoặc cao su tổng hợp chịu dầu), có độ đàn hồi và khả năng chịu mài mòn cao.</li> <li>- Đặc tính kỹ thuật:</li> <li>+ Độ cứng: <math>60 \pm 5</math> Shore A.</li> <li>+ Khả năng chịu nén, chịu mài mòn tốt.</li> <li>+ Chịu nhiệt độ làm việc: <math>-30^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+100^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>+ Chống lão hóa, chống nứt trong điều kiện dầu mỡ, bụi bẩn.</li> </ul>
29	Cao su chắn bùn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài: 500 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 400 mm</li> <li>+ Độ dày: 8 – 10 mm (tùy loại)</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp (NR, SBR hoặc NBR), có tính đàn hồi, chịu mài mòn, chịu thời tiết.</li> <li>- Đặc tính kỹ thuật:</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ cứng: <math>60 \pm 5</math> Shore A.</li> <li>+ Chịu nhiệt độ làm việc: <math>-30^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+100^{\circ}\text{C}</math>.</li> <li>+ Khả năng chống dầu nhẹ, chống lão hóa, chống nứt.</li> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 10</math> MPa.</li> <li>+ Độ giãn dài khi đứt: <math>\geq 300\%</math>.</li> </ul>
30	Dây cáp lựu tời	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính: 16 mm</li> <li>- Vật liệu: Thép cacbon chất lượng cao, mạ kẽm nhúng nóng</li> <li>- Đặc tính cơ lý: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cường độ kéo sợi thép: 1570 – 1770 N/mm<sup>2</sup></li> <li>+ Lực kéo đứt tối thiểu: <math>\approx 160</math>–180 kN</li> <li>+ Độ giãn dài nhỏ, khả năng chống mài mòn cao.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 5707</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+100^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul>
31	Đèn pha nách	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp định mức: 12V DC</li> <li>- Công suất: 35 – 55 W</li> <li>- Cường độ sáng: 800 – 1.500 lumen</li> <li>- Nguồn sáng: Halogen H3/H4</li> <li>- Màu ánh sáng: Trắng 4.000 – 6.000K</li> <li>- Vật liệu chóa đèn: Thép sơn tĩnh điện, phản quang mạ crom</li> <li>- Kính bảo vệ: Nhựa PC chịu va đập, trong suốt</li> <li>- Cấp bảo vệ: IP65 – IP67 (chống bụi, chống nước)</li> </ul>
32	Bộ phun nước rửa kính + bom	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>1. Bộ phun nước rửa kính: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện áp: 12V DC</li> <li>- Dung tích bình chứa: 1.5L</li> <li>- Kích thước bình: Chiều cao 175mm, rộng 125mm, sâu 90mm</li> <li>- Đường kính lỗ gắn vòi phun: 8mm</li> </ul> </li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Chiều dài dây điện: Khoảng 48cm 2. Bơm nước: - Điện áp: 12V DC - Công suất: 60W
33	Hộp trở phụ	Xuất xứ: Việt Nam - Điện áp hoạt động: 12V DC - Dòng điện tối đa: Từ 20A đến 40A - Loại cầu chì: Blade fuse (cầu chì lưỡi) - Số lượng vị trí cầu chì: Từ 4 đến 12 vị trí - Chất liệu vỏ: Nhựa ABS chống cháy, có khả năng chịu nhiệt cao
34	Máy phát điện	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Điện áp: 12V. - Cường độ dòng điện: 2.4A. - Hướng quay theo chiều kim đồng hồ. - Công suất định mức: 28.8W - Điện trở: 5Ω - Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.
35	Bộ đánh lửa	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương - Kiểu TK-200 hoặc tương đương - Công tắc giúp đánh lửa liên tục ở tốc độ trục khuỷu từ 40 đến 3200 vòng/phút. Nhiệt độ vận hành từ -60° C đến 80° C. Điện áp nguồn tối đa: 15,5 V. Điện áp nguồn tối thiểu: 8 V. Điện áp nguồn định mức: 12 V. Kích thước 128 x 118 x 44 mm. Khối lượng: 0,75 kg. Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.
36	Bộ rung phòng hồng	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Bộ rung phòng hồng PC331 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng
37	Bộ chia điện	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Bộ chia điện P.351-0 hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng
38	Tiết chế	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Tiết chế PP 132 hoặc tương đương - Điều chỉnh điện áp, cân bằng dòng
39	Tăng điện	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Tăng điện TY 06-88 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng
40	Khởi động	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Khởi động CT-130 hoặc tương đương - Điện áp định mức: 12V - Công suất định mức : 1,5kW - Công suất khởi động: 0,85kW. - Hướng quay: phải. - Khối lượng 9,7 kg. - Mức tiêu thụ hiện tại của rơle lực kéo: cuộn dây hút, A: 36; cuộn dây giữ, A: 11. Thiết bị truyền động: Số răng: 9; Mô-đun bánh răng, mm: 2,5; Góc biên dạng răng: 15°. Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.
41	Rơ le PC502	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Rơ le PC502 hoặc tương đương - Điện áp cuộn dây: 24 VAC. - Dòng điện: 5 A. - Điện áp tiếp xúc VAC: 250 VAC. - Điện áp tiếp xúc VDC: 30 VDC. - Điện trở cuộn dây: 180 Ohm. - Số cực: 4. - Chân cắm rộng 2,6 mm.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 21,5x28x36 mm.</li> <li>- Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.</li> </ul>
42	Rơ le PC523	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Rơ le PC523 hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp định mức: 24V.</li> <li>- Phạm vi nhiệt độ: từ -40°C đến 125°C.</li> <li>- Dòng định mức: 15A.</li> <li>- Số chân: 5.</li> <li>- Trọng lượng: 28g.</li> <li>- Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.</li> </ul>
43	Rơ le PC57	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Rơ le PC57 hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp định mức: 24V.</li> <li>- Phạm vi nhiệt độ: từ -40°C đến 125°C.</li> <li>- Dòng định mức: 20A.</li> <li>- Số chân: 5.</li> <li>- Trọng lượng: 32g.</li> <li>- Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.</li> </ul>
44	Còi điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Sử dụng với điện áp 24V. Tiếng kêu phải trong không rè, ngắt quãng, vỏ màu đen, ốc vít còi chưa điều chỉnh, âm thanh chuẩn của nhà sản xuất. (từ 90÷ 115db). Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.</li> </ul>
45	Đèn trần	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>Đèn trần PK-201 hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp hoạt động 24 VDC, công suất 15 W bóng sợi đốt, đui xoáy, ren M22, bước ren 1,5 chiều dài chân ren 2 mm</li> </ul>
46	Pha đèn chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>Pha đèn chính PG146 hoặc tương đương</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
47	Khoá điện	Xuất xứ: Việt Nam - Điện áp định mức: 12/24V; dòng tải định mức: 15/7,5 A. Kích thước tổng thể: 40x40x76 mm. trọng lượng: 0,17 kg. Kết nối lắp: chân loại 6,35. Mới 100%, chưa qua sử dụng
48	Khoá đảo pha cốt	Xuất xứ: Việt Nam Khoá đảo pha cốt RCCT 3940 hoặc tương đương 3 trạng thái hoạt động 2 cặp tiếp điểm thường mở NO, 2 cặp thường đóng NC Điện áp: 250 V Dòng max : 15 A Tiếp điểm mạ bạc hoặc bạch kim
49	Cảm biến nhiệt độ nước	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương Cảm biến nhiệt độ nước TM100 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
50	Cảm biến áp suất dầu	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Cảm biến áp suất dầu MM352 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
51	Đồng hồ áp lực khí	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Đồng hồ áp lực khí YK138 hoặc tương đương - Đường kính mặt: Y63 ~ Mặt 63mm - Phạm vi đo áp suất: Từ 0.2 ~ 2.5 Mpa - Nhiệt độ hoạt động: Từ -20 ~ 60 °C - Loại đồng hồ: Chân sau

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
52	Đồng hồ báo nhiệt độ nước	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Đồng hồ báo nhiệt độ nước YK200 hoặc tương đương - Đường kính vỏ: 60mm - Chiều dài đầu cảm biến, m: 1,8. - Kích thước tổng thể: 0,163 x 0,065 x 0,07m - Khối lượng: 0,85kg - Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.
53	Đồng hồ báo áp suất dầu	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Đồng hồ báo áp suất dầu YK201 hoặc tương đương - Đường kính mặt đồng hồ: 63mm. - Vật liệu: + Vỏ ngoài: Inox 304 (thép không gỉ). + Mặt đồng hồ: Kính. + Chân kết nối: Đồng mạ crom + Kim đo: Hợp kim nhôm sơn đen. + Lò và bộ chuyển động: Đồng.
54	Công tắc điện 3 ngã	Xuất xứ: Việt Nam - Chịu tải: 10A - 2200W - Chân cắm (Đầu vào): Phích cắm tròn 2 chấu Ø4 mm - Đầu ra: 3 ổ cắm 2 chấu, bao gồm 1 ổ cắm chính giữa cỡ Ø5 mm và 2 ổ cắm hai bên cỡ Ø4 mm - Chất liệu: Nhựa chống cháy, đồng nguyên chất cho chân tiếp xúc và nhíp ổ cắm
55	Đồng hồ báo tốc độ và đếm km	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Đồng hồ báo tốc độ và đếm km YK209 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
56	Công tắc sắt 2 chân	Xuất xứ: VN-LD Điện áp hoạt động: 12V DC Công tắc sắt 2 chân B45; 12V hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại công tắc: Công tắc nhấn, 2 chân</li> <li>- Dòng điện định mức: 5-20 A</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thân công tắc: sắt mạ kẽm chống gỉ</li> <li>+ Chân tiếp điểm: hợp kim mạ thiếc, dẫn điện tốt</li> <li>+ Nắp/bề mặt: Nhựa chịu nhiệt</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điện trở tiếp điểm: <math>\leq 50 \text{ m}\Omega</math></li> <li>+ Nhiệt độ hoạt động: <math>-20^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+70^{\circ}\text{C}</math></li> <li>+ Tuổi thọ cơ học: <math>\geq 50.000</math> lần nhấn</li> </ul> </li> </ul>
57	Nến điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ren: <math>\Phi 14 \text{ mm}</math></li> <li>- Chiều dài ren: 26 mm</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12V DC</li> <li>- Khoảng cách điện cực: 1,1 mm</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thân nến: Thép mạ nickel hoặc hợp kim chịu nhiệt</li> <li>+ Điện cực trung tâm: Iridium chống mài mòn</li> <li>+ Vỏ cách điện: Sứ gốm chịu nhiệt cao, chống nứt</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điện trở cuộn: 5-10 k<math>\Omega</math> (tùy loại)</li> <li>+ Nhiệt độ hoạt động: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+900^{\circ}\text{C}</math></li> <li>+ Kháng rung: Đạt tiêu chuẩn SAE hoặc JIS</li> </ul> </li> </ul>
58	Dây cao áp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính ngoài: <math>\varnothing 8 \text{ mm}</math></li> <li>+ Chiều dài: cắt theo yêu cầu</li> </ul> </li> <li>- Điện áp định mức: 20.000 V – 50.000 V</li> <li>- Chất liệu:</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lõi dẫn: Đồng dẫn điện tốt</li> <li>+ Lớp cách điện: Cao su chịu nhiệt</li> <li>+ Lớp bọc ngoài: Cao su</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Điện trở cách điện: <math>\geq 100 \text{ M}\Omega/\text{km}</math> ở <math>20^\circ\text{C}</math></li> <li>+ Điện dung: <math>\leq 0,2 \mu\text{F}/\text{km}</math></li> </ul>
59	Đèn hậu trái	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12V DC</li> <li>- Công suất: 5–21 W</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều cao: 100–200 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 80–150 mm</li> <li>+ Độ sâu: 50–80 mm</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Vỏ: Nhựa ABS chịu va đập và nhiệt độ cao</li> <li>+ Mặt đèn: Nhựa màu đỏ, tán quang đều ánh sáng</li> <li>+ Chân kết nối: hợp kim mạ thiếc, tương thích nguồn 12V</li> <li>- Tính năng:</li> <li>+ Chống nước, bụi, đạt tiêu chuẩn IP54–IP65</li> <li>+ Chống rung và sốc cơ học khi xe vận hành</li> <li>+ Tuổi thọ đèn LED: <math>\geq 30.000</math> giờ; đèn sợi đốt: <math>\geq 1.000</math> giờ</li> </ul>
60	Đèn hậu phải	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12V DC</li> <li>- Công suất: 5–21 W</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều cao: 100–200 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 80–150 mm</li> <li>+ Độ sâu: 50–80 mm</li> <li>- Chất liệu:</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vỏ: Nhựa ABS chịu va đập và nhiệt độ cao</li> <li>+ Mặt đèn: Nhựa màu đỏ, tán quang đều ánh sáng</li> <li>+ Chân kết nối: hợp kim mạ thiếc, tương thích nguồn 12V</li> <li>- Tính năng:</li> <li>+ Chống nước, bụi, đạt tiêu chuẩn IP54-IP65</li> <li>+ Chống rung và sốc cơ học khi xe vận hành</li> <li>+ Tuổi thọ đèn LED: <math>\geq 30.000</math> giờ; đèn sợi đốt: <math>\geq 1.000</math> giờ</li> </ul>
61	Đèn trần ca bin	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12V DC</li> <li>- Công suất: 5-21 W</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài: 150-250 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 50-100 mm</li> <li>+ Chiều cao: 30-50 mm</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Vỏ: Nhựa ABS chịu nhiệt, chống va đập</li> <li>+ Mặt đèn: Nhựa trong suốt tán quang đều ánh sáng</li> <li>+ Chân kết nối: hợp kim mạ thiếc, chịu dòng 12V</li> </ul>
62	Rơ le xin đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Role ngắt tín hiệu rẽ 3 chân.</li> <li>- Điện áp định mức: 12V</li> <li>- Dòng tải tối đa: 20-30 A</li> <li>- Công suất chịu tải: 240-360 W</li> <li>- Vật liệu: Vỏ nhựa chống cháy, chịu nhiệt. Tiếp điểm bằng hợp kim bạc chống oxi hóa</li> <li>- Kích thước: khoảng 50x40x35 mm</li> <li>- Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.</li> </ul>
63	Quạt trần ca bin	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc trong nước</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12V DC</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 40 W</li> <li>- Kích thước:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính cánh: 200–300 mm (tùy model)</li> <li>+ Chiều cao tổng thể: 150–200 mm</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cánh quạt: Nhựa ABS hoặc hợp kim nhôm nhẹ, bền, chống mài mòn</li> <li>+ Thân quạt: Nhựa hoặc kim loại sơn tĩnh điện chống gỉ</li> </ul> </li> </ul>
64	Chụp cao su cần số	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cao su EPDM chất lượng cao, đàn hồi tốt, bền với nhiệt độ và mài mòn</li> <li>- Chống lão hóa, tia UV, dầu mỡ, hóa chất nhẹ</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 5</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 150\%</math></li> <li>+ Kháng nhiệt: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+120^{\circ}\text{C}</math></li> <li>+ Tuổi thọ <math>\geq 3-5</math> năm trong điều kiện sử dụng bình thường</li> </ul> </li> </ul>
65	Gioăng cao su đệt cửa cabin	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều rộng: 50 mm</li> <li>+ Độ dày: 3 mm</li> <li>+ Chiều dài: cắt theo yêu cầu</li> </ul> </li> <li>- Chất liệu: Cao su EPDM chất lượng cao, đàn hồi tốt</li> <li>- Chống lão hóa, tia UV, ozone, dầu mỡ và nước</li> <li>- Bề mặt nhẵn, chống trầy xước và mài mòn</li> <li>- Hình dạng: Dạng đệt (flat), dùng kẹp hoặc dán vào mép cửa cabin</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 5</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 150\%</math></li> <li>+ Kháng nhiệt: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+120^{\circ}\text{C}</math></li> <li>+ Tuổi thọ <math>\geq 5</math> năm trong điều kiện sử dụng bình thường</li> </ul> </li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
66	Gioăng cao su 3 cạnh cửa kabin	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Cao su EPDM chất lượng cao, đàn hồi tốt, chống lão hóa</li> <li>- Chịu được nhiệt độ từ -40°C đến +120°C</li> <li>- Kháng tia UV, ozone, dầu mỡ, nước và bụi bẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 5</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 150\%</math></li> <li>+ Kháng mài mòn: <math>\geq 150</math> mm<sup>3</sup> (ASTM D5963 hoặc tương đương)</li> <li>+ Tuổi thọ <math>\geq 5</math> năm trong điều kiện sử dụng bình thường</li> </ul>
67	Đoăng U xếp cánh cửa thùng	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Xốp PVC chất lượng cao, đàn hồi tốt, bền với thời tiết</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều cao thân U: 15–25 mm (tùy loại thùng)</li> <li>+ Chiều rộng miệng U: 10–20 mm</li> <li>+ Độ dày xốp: 3–10 mm</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 5</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 150\%</math></li> <li>+ Kháng nhiệt: -30°C đến +100°C</li> <li>+ Tuổi thọ <math>\geq 3</math>–5 năm trong điều kiện sử dụng bình thường</li> </ul>
68	Đoăng kính thùng	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Cao su EPDM chịu nhiệt, chống lão hóa, đàn hồi tốt</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Độ bền kéo: <math>\geq 8</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 200\%</math></li> <li>+ Chịu nhiệt: -40°C đến +120°C</li> <li>+ Tuổi thọ <math>\geq 5</math> năm trong điều kiện sử dụng bình thường</li> </ul>
69	Cao su lót sàn kabin	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước:</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài: 2000 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 1000 mm</li> <li>+ Độ dày: 3 mm</li> <li>- Chất liệu: Cao su tổng hợp EPDM/NBR, bền, đàn hồi tốt</li> <li>- Tính năng kỹ thuật:</li> <li>+ Chịu được nhiệt độ từ -20°C đến +80°C</li> <li>+ Độ cứng (Shore A): 60–70</li> <li>+ Chịu kéo: <math>\geq 8</math> MPa</li> <li>+ Độ giãn dài: <math>\geq 200\%</math></li> <li>+ Kháng mài mòn: <math>\geq 150</math> mm<sup>3</sup> (theo tiêu chuẩn ASTM D5963 hoặc tương đương)</li> </ul>
70	Bìa giấy cứng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài: 2500 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 1250 mm</li> <li>+ Độ dày: 3 mm</li> <li>- Chất liệu: Giấy cứng cao cấp, ép nhiều lớp, bề mặt nhẵn, chịu lực tốt</li> <li>- Màu sắc: trắng hoặc nâu</li> <li>- Không chứa hóa chất độc hại, an toàn cho người sử dụng</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Độ cứng (Gurley hoặc tương đương): <math>\geq 500</math> g/cm<sup>2</sup></li> <li>+ Độ ẩm tối đa: 6–8%</li> <li>+ Độ bền chịu lực: <math>\geq 10</math> N/mm<sup>2</sup></li> </ul>
71	Đệm ghế lái xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Kích thước:</li> <li>+ Chiều dài: 1500 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 850 mm</li> <li>+ Độ dày đệm: 200 mm</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Lốp đệm: Mút cao cấp đàn hồi, chịu lực, giảm rung xóc</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bọc ngoài: Da tổng hợp</li> <li>- Màu sắc: Theo yêu cầu</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Chịu tải tối đa: 120–150 kg</li> <li>+ Độ bền: <math>\geq 50.000</math> chu kỳ ngả lưng</li> <li>+ Kháng cháy: đạt tiêu chuẩn ISO 3795</li> </ul>
72	Tựa lưng ghế lái xe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>Kích thước:</li> <li>+ Chiều cao: 1500 mm</li> <li>+ Chiều rộng: 850 mm</li> <li>+ Độ dày đệm: 150 mm</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Lớp đệm: Mút cao cấp đàn hồi, chịu lực, giảm rung xóc</li> <li>+ Bọc ngoài: Da tổng hợp chất lượng cao, chống mài mòn, dễ vệ sinh</li> <li>+ Khung: Hợp kim thép chịu lực, sơn tĩnh điện chống gỉ</li> <li>- Màu sắc: Đen, xám, hoặc theo tiêu chuẩn xe</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật:</li> <li>+ Chịu tải tối đa: 120–150 kg</li> <li>+ Độ bền: <math>\geq 50.000</math> chu kỳ ngả lưng</li> <li>+ Kháng cháy: đạt tiêu chuẩn ISO 3795</li> </ul>
73	Nút ấn kích từ bảng điện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>Nút ấn kích từ bảng điện chính K1, 50A hoặc tương đương</li> <li>- Dòng điện định mức: 50A</li> <li>- Điện áp điều khiển: 220V AC</li> <li>- Loại tiếp điểm: Thường mở (NO)</li> <li>- Cấu tạo: Thân nhựa</li> <li>- Tiêu chuẩn: IEC 60947-5-1</li> </ul>
74	Đèn trần thùng loại dài	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp hoạt động: 24V DC</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 21W</li> <li>- Kích thước: 200 x 50 mm</li> <li>- Nguồn sáng: LED SMD</li> <li>- Quang thông: Khoảng 1800–2000 lumen</li> <li>- Hiệu suất ánh sáng: ~85–95 lm/W</li> <li>- Nhiệt độ màu: Trắng 6000K, Trung tính 4000K, Vàng 3000K</li> <li>- Chỉ số hoàn màu (CRI): <math>\geq 80</math></li> <li>- Tuổi thọ: 15.000–20.000 giờ</li> <li>- Chỉ số bảo vệ (IP): IP20</li> <li>- Chất liệu thân đèn: ABS chống cháy</li> </ul>
75	Phích cắm 3 pha nhôm đúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Thái Lan hoặc tương đương</li> <li>- Dòng điện định mức: 60A</li> <li>- Điện áp: 380V – 690V</li> <li>- Số cực: 3P+N+E (3 pha + trung tính + tiếp đất)</li> <li>- Tiêu chuẩn bảo vệ: IP44/ IP67</li> <li>- Chất liệu vỏ: Nhôm đúc</li> <li>- Tiêu chuẩn: IEC 60309</li> </ul>
76	Vòng bạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Chất liệu: Vải bạt dày, chống thấm nước, có khả năng chịu lực cao.</li> <li>- Kích thước: Dài khoảng 2.4m – 2.8m; rộng khoảng 1.2m – 1.4m.</li> <li>- Tải trọng: Thường chịu được từ 200kg đến 400kg.</li> <li>- Trọng lượng: Từ 1.5kg đến 3kg, thiết kế chắc chắn cho mục đích sử dụng lâu dài.</li> <li>- Phụ kiện: Dây treo chắc chắn, có thể điều chỉnh độ dài; móc kim loại hoặc vòng thép</li> </ul>
77	Găng tay cao su	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015 , QUATEST 3</li> <li>- Màu sắc: Xanh Dương, Xanh Lá,</li> <li>- Ký hiệu các Size: S-7; M-8</li> <li>- Chiều dài: 310 mm <math>\pm</math> 10 (16 in)</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ rộng lòng bàn tay: 100-110 mm ± 2 mm</li> <li>- Quy cách đóng gói: 1 túi 5 đôi</li> <li>- Độ dày: 0.60 mm</li> <li>- Trọng lượng / đôi: 70-72 gr ± 5</li> </ul>
78	Găng tay bạt	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: trắng ngà.</li> <li>- Chất liệu: vải bạt chéo hoặc bạt lông vuông 100% cotton. chắc liệu bằng vải, bền , chắc chắn</li> <li>- Đặc tính: bảo vệ tay, bốc xếp hàng hóa.</li> <li>- Cỡ: 7,8,9</li> </ul>
79	Ủng cao su	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Thân màu rêu, đế màu vàng</li> <li>- Kích cỡ: 38 – 45</li> <li>- Chất liệu: PVC tổng hợp</li> <li>- Tiêu chuẩn: TCVN ISO 37:2017.</li> </ul>
80	Bơm hơi bằng tay	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Bơm hơi bằng tay kiểu D4x50 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa + hợp kim nhôm</li> <li>- Công suất: 120 W</li> <li>- Điện áp: PCB</li> <li>- Dung tích bơm: 25L/M</li> </ul>
81	Bao đựng súng ngắn	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Da bò thật, khâu tay thủ công.</li> <li>- Màu sắc: Nâu vàng đậm.</li> <li>- Kích thước: (dài ~190mm, cao ~135mm, dày ~30mm).</li> <li>- Thiết kế:</li> </ul> <p>+ Dạng hộp có nắp, giúp bảo vệ súng khỏi bụi bẩn và va đập.</p> <p>+ Mặt sau có hai đĩa để luồn dây đai, thắt lưng chắc chắn khi tác chiến, thao diễn, hành quân.</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
82	Thiết bị kiểm tra áp suất buồng đốt	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Thiết bị kiểm tra áp suất buồng đốt MBII3 - Y hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
83	Thiết bị kiểm tra tiết chế	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Thiết bị kiểm tra tiết chế P 50 (6) hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
84	Tạp dè	Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu : PE, nhựa PE - Màu sắc : Trắng, xanh - Kích thước : Nhỏ, Vừa, Lớn, v.v. - Chức năng : Chống bẩn, chống thấm nước - Giấy chứng nhận : CE / ISO13485
85	Thiết bị cân bằng pháo	Xuất xứ: Việt Nam Thiết bị cân bằng pháo KO - 60 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
86	Đèn pin cầm tay (Pin khô)	Xuất xứ: Việt Nam Đèn pin TERINO T77 hoặc tương đương - Màu sắc: Đen - Chất liệu vỏ: Nhôm - Điện áp vào: 3.7~4.2V - Ánh sáng: 1000 Lumen - Màu đèn: Ánh sáng trắng - Kính: Kính cường lực - Chống nước: IP65 - Trọng lượng: 256g - Kích thước: 14.6*5.3*3.5cm

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
87	Đèn công tác (có dây 3m)	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng pin: Li-polymer 3.7V/3600mAh</li> <li>- 3 chế độ: Chế độ sáng 50Lm (cao) - 170 Lm ( thấp), không nhấp nháy, dây và cục sạc USB</li> <li>- Thời gian chiếu sáng: 3.5-4 giờ (ánh sáng cao), 7h (ánh sáng thấp)</li> <li>- Kích thước: 410mm x 72mm</li> <li>- Trọng lượng: 315g</li> </ul>
88	Súng phun sơn	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Súng phun sơn kiểu CO -71A (TY-22-4125-77) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính kim + bec: 1.5 mm</li> <li>- Khoảng cách sơn: 200 mm</li> <li>- Áp lực hơi phun: 0.29 (MPa)</li> <li>- Lượng hơi tiêu thụ: 230 (L/min)</li> <li>- Lưu lượng sơn ra: 190 (mL/min)</li> <li>- Bàn rộng: 185 (mm)</li> <li>- Công suất máy nén khí: 1.5 (kW)</li> </ul>
89	Thiết bị tự xiết lắp bộ cân bằng 7	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Thiết bị tự xiết lắp bộ cân bằng 7 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
90	Thiết bị tự xiết lắp bộ cân bằng 78 (112)	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Thiết bị tự xiết lắp bộ cân bằng 78 (112) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
91	Ống nối dài của máy hút bụi	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 30mm</li> <li>- Chiều dài: 3m</li> <li>- Chất liệu: nhựa ABS cao cấp</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế: Dạng xoắn ốc có thể co giãn và uốn cong linh hoạt</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -10°C đến 60°C</li> </ul>
92	Cọc tiếp đất + dây điện	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>1. Cọc tiếp đất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Thép mạ kẽm điện phân, đồng thau, hoặc thép chống ăn mòn.</li> <li>- Chiều dài cọc: 1,2 m → 2,5 m</li> <li>- Đường kính: 16 mm → 25 mm.</li> <li>- Khả năng dẫn điện: <math>\leq 0,1 \Omega</math></li> <li>- Bề mặt: Mạ kẽm hoặc sơn chống ăn mòn để tăng tuổi thọ.</li> <li>- Tính năng: Dùng làm điểm nối đất tạm thời hoặc cố định trong các công trình điện, trạm biến áp, công trình xây dựng.</li> </ul> <p>2. Dây dẫn nối cọc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại dây: Dây mềm bọc cao su hoặc PVC, 2 lõi 2,5 mm<sup>2</sup> (2x2,5 mm<sup>2</sup>).</li> <li>- Chiều dài: 20 m.</li> <li>- Vật liệu dẫn điện: Đồng tinh khiết hoặc đồng mạ thiếc.</li> <li>- Điện trở dây: <math>\leq 7,41 \text{ m}\Omega/\text{m}</math> (đối với đồng 2,5 mm<sup>2</sup>).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -20°C → +70°C (PVC), -40°C → +90°C (cao su chịu nhiệt).</li> <li>- Màu sắc: Thường là xanh – vàng cho dây nối đất theo tiêu chuẩn IEC/TC 60204-1.</li> </ul> <p>3. Tiêu chuẩn áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- IEC 60364: Hệ thống nối đất và bảo vệ.</li> <li>- TCVN 4756: Quy phạm nối đất và tiếp địa thiết bị điện.</li> <li>- IEC 60947-1: Thiết bị điện – an toàn điện.</li> </ul>
93	Băng dính cách điện Nano	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu nền: Nhựa PVC dẻo (Polyvinyl Chloride)</li> <li>- Lớp keo: Keo cao su tự nhiên (rubber adhesive)</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> <li>- Kích thước cuộn tiêu chuẩn: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề rộng: 18 mm</li> <li>+ Chiều dài: 20 m</li> </ul> </li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ dày: ~0,11 – 0,13 mm</li> <li>- Độ bền kéo (Tensile Strength): <math>\geq 20</math> N/cm</li> <li>- Độ dính (Adhesion to steel): <math>\geq 1,8</math> N/cm</li> <li>- Điện áp chịu đựng (Dielectric strength): <math>\geq 600</math> V – 1.000 V</li> <li>- Khả năng chịu nhiệt: <math>-10^{\circ}\text{C} \rightarrow +80^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Khả năng chống cháy: Tự tắt khi loại bỏ nguồn lửa</li> </ul>
94	Đệm đồng các loại	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu: Đồng nguyên chất</li> <li>- Đường kính ngoài (OD): 6 mm <math>\rightarrow</math> 100 mm</li> <li>- Độ dày: 0,5 mm <math>\rightarrow</math> 5 mm.</li> <li>- Tính năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lót bulong, ốc vít để tránh mài mòn.</li> <li>+ Lót ren, đảm bảo kín khí trong hệ thống thủy lực và hơi.</li> </ul> </li> <li>- Tiêu chuẩn: TCVN; ISO 7089</li> </ul>
95	Lực kế 2 lò xo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Lực kế 2 lò xo 20/ 10 hoặc tương đương</li> <li>- Chất liệu+ cấu tạo: Khung nhựa ABS với độ cứng cao, móc thép hai đầu, một móc thép treo vào vật, một móc thép treo vào điểm cố định</li> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
96	Kim kẹp chỉ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương</li> <li>- Chất liệu: Thép chịu lực, tay cầm bọc cao su cách điện và chống trơn trượt.</li> <li>- Chiều dài tổng: Khoảng 200mm.</li> <li>- Trọng lượng: Khoảng 500 - 600 gram.</li> <li>- Đường kính khuôn má kim: 12mm.</li> <li>- Lực bấm: Hỗ trợ cộng lực giúp lực bấm nhẹ nhàng hơn, dao động khoảng 15 – 17N.</li> </ul>
97	Nhiệt kế thủy ngân TY 25	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Nhiệt kế thủy ngân TY 25 hoặc tương đương</li> <li>- Dài đo: <math>25^{\circ}\text{C} - 73^{\circ}\text{C}</math></li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chia nhỏ nhất: 0.1°C</li> <li>- Độ chính xác: Thông thường <math>\pm 0.1^\circ\text{C}</math></li> <li>- Vật liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, chứa thủy ngân</li> </ul>
98	Nhiệt kế thủy ngân 25-73 TA.2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Nhiệt kế thủy ngân 25-73 TA.2 hoặc tương đương</li> <li>- Dài đo: 25°C – 73°C</li> <li>- Độ chia nhỏ nhất: 0.1°C</li> <li>- Độ chính xác: Thông thường <math>\pm 0.1^\circ\text{C}</math></li> <li>- Vật liệu: Thủy tinh chịu nhiệt, chứa thủy ngân</li> <li>- Đặc điểm: Thường có vạch chia rõ ràng, dễ đọc</li> </ul>
99	Tỉ trọng kế hệ số đo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Dài đo: 1.100 – 1.300 g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Độ chia vạch: 0.005 g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 0.005</math> g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Vật liệu: Thủy tinh chịu lực, có thể có lớp phủ chống va đập</li> <li>- Kích thước: Chiều dài khoảng 160–180 mm</li> <li>- Phụ kiện kèm theo: Ống hút mẫu, quả bóp cao su, hộp đựng bảo vệ</li> </ul>
100	Bơm nhiên liệu cỡ nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Bơm nhiên liệu cỡ nhỏ (T15528670CB) hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
101	Ống cao su + đầu bắt ren	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ống: Cao su tổng hợp chịu dầu, chịu nhiệt, chống mài mòn.</li> <li>+ Đầu ren: Thường bằng thép mạ kẽm, chống ăn mòn.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài ống: 1000 mm.</li> </ul> </li> <li>- Áp suất làm việc: 0,5 – 10 bar</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +100°C</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
102	Ống nối	Xuất xứ: Việt Nam - Chất liệu: Nhựa uPVC. - Kích thước: Ø32, - Tiêu chuẩn: ISO 4422, ISO 1452.
103	Đồng hồ vạn năng	Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương Đồng hồ vạn năng Y4353 (Y4343) hoặc tương đương - Kích thước: 146 x 98 x 37 mm - Trọng lượng: Khoảng 255 g (bao gồm pin) - Nguồn Cung Cấp + Pin: 2 viên pin AA 1.5V (UM-3) và 1 viên pin 9V (006P) - Thang Đo Điện Áp (DC/AC) + DCV: 0.3V, 3V, 12V, 30V, 120V, 300V, 1200V + ACV: 6V, 30V, 120V, 300V, 1200V + Độ chính xác: ±3% toàn thang (DC), ±4% toàn thang (AC) + Trở kháng đầu vào: 20kΩ/V (DC), 8kΩ/V (AC)
104	Đèn kiểm tra thông mạch	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Đèn kiểm tra thông mạch OCMТ - 37 hoặc tương đương Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
105	Căn lá 0,6-5	Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương - Dài đo: 0.6 – 5mm - Chất liệu: Thép hợp kim cứng, mạ chrome - Đặc điểm: Thiết kế dạng xòe quạt, dễ dàng sử dụng và bảo quản - Ứng dụng: Đo khe hở, căn chỉnh chi tiết máy, kiểm tra độ chính xác trong gia công cơ khí
106	Mô lét	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Mô lét 30 inch mạ chrome – Asaki AK-7639 hoặc tương đương - Chiều dài: 762 mm - Độ mở hàm: 76 mm

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trọng lượng: Khoảng 3,5–4 kg</li> <li>- Chất liệu: Thép hợp kim Chrome Vanadium, mạ chrome chống gỉ</li> </ul>
107	Băng dính cách điện Nano	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu nền: Nhựa PVC dẻo (Polyvinyl Chloride)</li> <li>- Lớp keo: Keo cao su tự nhiên (rubber adhesive)</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> <li>- Kích thước cuộn tiêu chuẩn:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bề rộng: 18 mm</li> <li>+ Chiều dài: 20 m</li> <li>+ Độ dày: ~0,11 – 0,13 mm</li> </ul> </li> <li>- Độ bền kéo (Tensile Strength): <math>\geq 20</math> N/cm</li> <li>- Độ dính (Adhesion to steel): <math>\geq 1,8</math> N/cm</li> <li>- Điện áp chịu đựng (Dielectric strength): <math>\geq 600</math> V – 1.000 V</li> <li>- Khả năng chịu nhiệt: <math>-10^{\circ}\text{C} \rightarrow +80^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Khả năng chống cháy: Tự tắt khi loại bỏ nguồn lửa</li> </ul>
108	Búa đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Trọng lượng đầu búa: 200 gram</li> <li>- Chất liệu đầu búa: Đồng thau</li> <li>- Chất liệu cán búa: Gỗ cứng tự nhiên</li> <li>- Chiều dài cán: 300mm</li> </ul>
109	Búa sắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Loại búa: Búa tay, đầu bằng sắt (Steel Hammer)</li> <li>- Trọng lượng đầu búa: 200 gram</li> <li>- Chất liệu đầu búa: Thép tôi cứng chịu va đập tốt</li> <li>- Chất liệu cán búa: Gỗ cứng (thường là gỗ hickory, gỗ sồi)</li> <li>- Chiều dài cán: 300 mm</li> </ul>
110	Dụng cụ vặn bu lông bằng tay (Đảo chiều)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</li> <li>Dụng cụ vặn bu lông bằng tay (Đảo chiều) 11A hoặc tương đương</li> <li>- Loại: Cờ lê vặn bu lông đảo chiều (Ratchet Wrench)</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước đầu cờ lê: 1/2 inch hoặc 3/8 inch</li> <li>- Chức năng đảo chiều: Có cơ chế đảo chiều thông qua công tắc trên đầu cờ lê, cho phép vặn siết hoặc tháo mở bu lông mà không cần thay đổi vị trí dụng cụ.</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim, mạ chrome</li> <li>- Chiều dài tay cầm: Từ 250 mm đến 300 mm</li> </ul>
111	Dụng cụ vặn bu lông bằng tay (Dùng cho cờ M18)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Kích cỡ bu lông tương thích: M18 (đường kính ren 18 mm)</li> <li>- Kích thước đầu cờ lê: 27 mm (đối với bu lông M18)</li> <li>- Loại đầu cờ lê: Đầu vuông (thường là 1/2 inch hoặc 3/4 inch)</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim, mạ chrome</li> <li>- Độ dài tay cầm: Thường từ 300 mm đến 600 mm</li> </ul>
112	Tay vặn bàn ren $\Phi$ 38	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ngoài bàn ren: 38 mm (<math>\phi</math>38)</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: DIN 225 (DIN EN 22568)</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim có khả năng chống ăn mòn và gỉ sét.</li> </ul>
113	Tay vặn bàn ren $\Phi$ 45	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ngoài bàn ren: 45 mm (<math>\phi</math>45)</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: DIN 225 (DIN EN 22568)</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim có khả năng chống ăn mòn và gỉ sét.</li> </ul>
114	Tay vặn bàn ren $\Phi$ 55	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ngoài bàn ren: 55 mm (<math>\phi</math>55)</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: DIN 225 (DIN EN 22568)</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim có khả năng chống ăn mòn và gỉ sét.</li> </ul>
115	Tay vặn bàn ren $\Phi$ 65	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ngoài bàn ren: 65 mm (<math>\phi</math>65)</li> <li>- Tiêu chuẩn kỹ thuật: DIN 225 (DIN EN 22568)</li> <li>- Vật liệu chế tạo: Thép hợp kim có khả năng chống ăn mòn và gỉ sét.</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
116	Tay vặn mũi ta rô điều chỉnh được	<p>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</p> <p>Tay vặn mũi ta rô điều chỉnh được SKC M5-M12 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước sản phẩm: 120 x 30 x 30mm</li> <li>- Khối lượng: 300g</li> <li>- Hai chiều quay</li> <li>- Đầu kẹp cho phép từ M5 đến M12</li> <li>- Cần quay trượt ngang linh hoạt</li> <li>- Có thể sử dụng để kẹp nhiều loại đầu, mũi đa dạng</li> <li>- Chiều dài thân : 110mm</li> <li>- Chiều dài tay quay : 120 mm</li> </ul>
117	Căn lá số 2	<p>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước lá 0.02 mm × 0.5 m</li> <li>- Chất liệu: Thép hợp kim cứng, mạ chrome</li> <li>- Đặc điểm: Thiết kế dạng xòe quạt, dễ dàng sử dụng và bảo quản</li> <li>- Ứng dụng: Đo khe hở, căn chỉnh chi tiết máy, kiểm tra độ chính xác trong gia công cơ khí</li> </ul>
118	Căn lá số 3	<p>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước lá 0.55 mm × 1m</li> <li>- Chất liệu: Thép hợp kim cứng, mạ chrome</li> <li>- Đặc điểm: Thiết kế dạng xòe quạt, dễ dàng sử dụng và bảo quản</li> <li>- Ứng dụng: Đo khe hở, căn chỉnh chi tiết máy, kiểm tra độ chính xác trong gia công cơ khí</li> </ul>
119	Thước cặp 0 - 125	<p>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</p> <p>Thước cặp Mitutoyo 0 – 125mm hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài đo: 0 – 125 mm (0 – 5 inch)</li> <li>- Độ chính xác: ±0.02 mm</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ, bền bỉ, chống rỉ sét</li> </ul>
120	Thước cặp 0 - 160	<p>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</p> <p>Thước cặp Mitutoyo 0 – 160 mm hoặc tương đương</p>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài đo: 0 – 160 mm (0 – 6 inch)</li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 0.02</math> mm</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ, bền bỉ, chống rỉ sét</li> </ul>
121	Bàn ta rô ren 16 x 1.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ren (D): 16 mm</li> <li>- Bước ren (P): 1.5 mm</li> <li>- Loại ren: Ren hệ mét tiêu chuẩn (ISO Metric)</li> <li>- Vật liệu: Thép hợp kim, HSS (High Speed Steel), có thể mạ lớp chống mài mòn để tăng độ bền</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 68/1 hoặc tương đương DIN 352</li> </ul>
122	Bàn ta rô ren 20	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ren: 20 mm (D)</li> <li>- Loại ren: Ren hệ mét (ISO Metric) hoặc tùy theo yêu cầu (ví dụ: M30 x 2.0, M30 x 2.5...)</li> <li>- Vật liệu: Thép HSS (High Speed Steel).</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 68/1 hoặc DIN 352</li> </ul>
123	Bàn ta rô ren 20 x 1.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ren (D): 20 mm</li> <li>- Bước ren (P): 1.5 mm</li> <li>- Loại ren: Ren hệ mét tiêu chuẩn (ISO Metric)</li> <li>- Vật liệu: Thép hợp kim, HSS (High Speed Steel), có thể mạ lớp chống mài mòn để tăng độ bền</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 68/1 hoặc tương đương DIN 352</li> </ul>
124	Bàn ta rô ren 24 x 1.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính ren (D): 24 mm</li> <li>- Bước ren (P): 1.5 mm</li> <li>- Loại ren: Ren hệ mét tiêu chuẩn (ISO Metric)</li> <li>- Vật liệu: Thép hợp kim, HSS (High Speed Steel), có thể mạ lớp chống mài mòn để</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		tăng độ bền - Tiêu chuẩn: ISO 68/1 hoặc tương đương DIN 352
125	Bàn ta rô ren 30	Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương - Đường kính ren: 30 mm (D) - Loại ren: Ren hệ mét (ISO Metric) hoặc tùy theo yêu cầu (ví dụ: M30 x 2.0, M30 x 2.5...) - Vật liệu: Thép HSS (High Speed Steel). - Tiêu chuẩn: ISO 68/1 hoặc DIN 352
126	Mũi ta rô ren 30 x 2	Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương Mũi taro ren 30 x 2 hoặc tương đương - Đường kính danh nghĩa: 30 mm - Bước ren: 2.2 mm - Loại ren: ren hệ mét (ISO metric) - Vật liệu mũi taro: HSS-G (có phủ chống mài mòn) - Tiêu chuẩn: ISO 68/1
127	Mũi ta rô ren 30 x 2.2	Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương Mũi taro ren 30 x 2.2 hoặc tương đương - Đường kính danh nghĩa: 30 mm - Bước ren: 2.2 mm - Loại ren: ren hệ mét (ISO metric) - Vật liệu mũi taro: HSS-G (có phủ chống mài mòn) - Tiêu chuẩn: ISO 68/1
128	Mũi ta rô ren G 1/2	Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương Mũi ta rô ren G 1/2 hoặc tương đương - Kích thước ren: 1/2 inch (đường kính danh nghĩa) - Số ren trên inch (TPI): 14 - Đường kính lớn (Major Diameter): 0.825 inch (khoảng 20.95 mm) - Đường kính lỗ khoan trước khi taro (Tap Drill Size): 19.00 mm (0.748 inch)

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Đường kính lỗ khoan clearance (Clearance Drill Size): 19.00 mm (0.748 inch) - Tiêu chuẩn: DIN 2999, ISO 228-1
129	C lê bán nguyệt tháo đai ốc KC-5C6 (Từ 48 - 70mm)	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương C lê bán nguyệt tháo đai ốc KC-5C6 hoặc tương đương - Đường kính: Từ 48 - 70mm - Vật liệu: Thép hợp kim
130	C lê bán nguyệt tháo đai ốc KC-6C6 (Từ 80 - 120mm)	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương C lê bán nguyệt tháo đai ốc KC-6C6 hoặc tương đương - Đường kính: Từ 80 - 120mm - Vật liệu: Thép hợp kim
131	Dụng cụ tháo vít trục nhà cần ép ly hợp hộp số T72	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương Dụng cụ tháo vít trục nhà cần ép ly hợp hộp số T72 432.95.110 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
132	Khóa vận ốc bánh răng trục vít cơ cấu căng xích	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Khóa vận ốc bánh răng trục vít cơ cấu căng xích KC-30 hoặc tương đương - Vật liệu: Thép - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
133	Vam cần giảm sóc thủy lực	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Vam cần giảm sóc thủy lực YK - 16C6 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
134	Trục vít thiết bị vận nâng	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Trục vít thiết bị vận nâng 05.T.080000 C6 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
135	Can sắt	Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: 34 x 48 x 17 cm - Chất liệu: tôn thép Hàn Quốc có độ dày 0,7ly - Áp suất: 0.2 kg/cm <sup>2</sup> - Dung tích: 20 lít
136	Máy bơm nước (Động cơ xăng)	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Máy bơm nước (Động cơ xăng) MB - 800E hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
137	Lăng phun	Xuất xứ: Việt Nam Lăng phun loại A (dùng cho dây DN65 – vòi A) - Đường kính vào: DN65 (65 mm) - Đường kính ra: 19mm - Lưu lượng nước: 240 lít/phút (tại áp 1.0Mpa) - Đầu nối: ĐT.1-66 (TCVN 5739:1993) - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Áp lực hoạt động: 1.0Mpa - 1.6Mpa - Khả năng phun: Tia nước, sương hoặc dạng quạt 2. Lăng phun loại B (dùng cho dây DN50 – vòi B) - Đường kính vào: DN50 (50 mm) - Đường kính ra: 13mm - Lưu lượng nước: 112 lít/phút (tại áp 1.0Mpa) - Chất liệu: Hợp kim nhôm - Áp lực hoạt động: 1.0Mpa - 1.6Mpa - Khả năng phun: Tia nước, sương hoặc dạng quạt
138	Dây cứu hỏa D 65 (A)	Xuất xứ: Việt Nam Dây cứu hỏa A D 65 (A) hoặc tương đương - Đường kính: DN65 (65mm). - Chiều dài: 50m.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất làm việc: Khoảng 1.0 – 1.6 MPa (tương đương 10-16 Bar)</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lớp trong: cao su mềm hoặc PVC.</li> <li>+ Lớp ngoài: Vải bố, sợi thủy tinh</li> </ul> </li> <li>- Khớp nối: nhôm hợp kim.</li> <li>- Màu sắc: Trắng, đỏ hoặc cam</li> </ul>
139	Dây cứu hỏa D 50 (B)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>Dây cứu hỏa A D 50 (B) hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính: DN50 (50mm)</li> <li>- Chiều dài: 20m, 30m</li> <li>- Áp suất làm việc: 10-16 bar</li> <li>- Chất liệu: Vỏ ngoài là sợi polyester, bên trong tráng PVC hoặc vật liệu tương tự để chống thấm nước.</li> <li>- Khớp nối: Đầu nối nhôm hợp kim, kích thước phù hợp với D50.</li> <li>- Màu sắc: Trắng, đỏ hoặc cam</li> </ul>
140	Bộ súng xịt của thiết bị xúc rửa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Chất liệu đầu phun: đồng</li> <li>- Chất liệu tay cầm: nhôm đúc</li> <li>- Chiều dài ống dẫn: 34cm - 38cm - 40cm</li> <li>- Chiều dài dây: 1 mét</li> <li>- Áp suất bình khí nén: 90psi (6.3kgs/cm<sup>3</sup>)</li> </ul>
141	Tuy ô của thiết bị xúc rửa $\Phi$ 10	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Vật liệu: cao su tổng hợp</li> <li>- Đường kính trong: 10 mm</li> <li>- Chiều dài cuộn max: 51 mét</li> <li>- Số lớp thép gia cố: 2 Lớp</li> <li>- Áp lực làm việc: 125 bar</li> </ul>
142	Tuy ô của thiết bị xúc rửa $\Phi$ 34	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Vật liệu: cao su tổng hợp</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: 34 mm</li> <li>- Chiều dài cuộn max: 10 mét</li> <li>- Số lớp thép gia cố: 2 Lớp</li> <li>- Áp lực làm việc: 125 bar</li> </ul>
143	Bơm mỡ cao áp (Động cơ xăng)	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Bơm mỡ cao áp (Động cơ xăng) A3-1 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất động cơ: Thông thường từ 5.5 HP đến 7 HP.</li> <li>- Áp suất làm việc: Có thể lên đến 300-400 bar.</li> <li>- Dung tích thùng chứa mỡ: Từ 50 lít đến 200 lít.</li> <li>- Dây dẫn mỡ: Chiều dài từ 5 m đến 10 m, chịu áp lực cao.</li> <li>- Súng bơm mỡ: Có thể điều chỉnh áp suất và lưu lượng mỡ.</li> </ul>
144	Máy khoan cầm tay	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Máy khoan cầm tay kiểu 061980 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện áp pin: 12V Max Li-ion.</li> <li>- Tốc độ không tải: 0 – 6.800 vòng/phút.</li> <li>- Tốc độ đập: 0 – 4.800 lần/phút.</li> <li>- Lực đập: 1.1 J (theo tiêu chuẩn EPTA 05/2009).</li> <li>- Khả năng khoan: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bê tông: 16 mm</li> <li>+ Thép: 10 mm</li> <li>+ Gỗ: 13 mm</li> </ul> </li> <li>- Trọng lượng: 1.8 kg (khi sử dụng pin 2.0Ah).</li> <li>+ Kích thước: 250 x 74 x 187 mm.</li> </ul>
145	Máy mài 2 đá	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>Máy mài 2 đá cốt dài MD1.5HP hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất : 1.125kw- 1.5HP</li> <li>- Điện áp : 220V-1pha</li> <li>- Cường độ dòng điện tối đa : 8A</li> <li>- Nguồn điện vào : 220V/50Hz- AC</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số cực (P)/ Vận tốc (v/p) : 2P/ 2800v/p</li> <li>- Khoảng cách từ tâm cốt đến mặt chân đế : 187</li> <li>- Khoảng cách giữa 2 tâm viên đá : 600</li> <li>- Đường kính đá lớn nhất : Ø200mm</li> <li>- Đường kính cốt đoạn gắn đá : Ø20mm</li> <li>- Độ bền phóng điện : 1.5KV/min</li> <li>- Độ bền cách điện : &gt; 2MΩ</li> <li>- Kích thước chân đế (Dài x Rộng) : 257 x 167mm</li> <li>- Trọng lượng máy : 25.5Kg</li> <li>- Bảo hành : 12 tháng</li> </ul>
146	Thiết bị ép thủy lực	<p>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</p> <p>Thiết bị ép thủy lực 20 Tấn Delta DL- D620 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tải trọng ép: 20 tấn</li> <li>- Hành trình ép: 150 mm</li> <li>- Chiều cao tổng: 1560mm</li> <li>- Chiều rộng tổng: 610mm</li> <li>- Trọng lượng: 90kg</li> </ul>
147	C lê đo lực	<p>Xuất xứ: Đức hoặc tương đương</p> <p>C lê đo lực 6132850 5.0 A (M = 380 Nm) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dài mô-men xoắn: 380 Nm</li> <li>- Loại cờ lê: Cờ lê lực loại "click"</li> <li>- Vật liệu: Thép hợp kim, thường được tôi luyện để tăng độ bền và chống mài mòn</li> <li>- Tiêu chuẩn: Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như ISO, DIN hoặc ANSI</li> </ul>
148	Tuýp	<p>Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương</p> <p>Tuýp 36 - 41 (Clê S36 - 41) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại cờ lê: Cờ lê đầu mở (open-end wrench)</li> <li>- Kích thước: 36 mm – 41 mm</li> <li>- Chiều dài: 503mm</li> <li>- Chất liệu: Thép mạ crom</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
149	Ống hút bơm + chõ bơm	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Ống hút bơm + chõ bơm MB - 800E hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
150	Chõ bơm	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương Chõ bơm MB - 800E hoặc tương đương - Chất liệu rọ bơm: Đồng - Vật liệu gioăng làm kín: NBR – Teflon - Áp suất chịu tối đa: 10 kg/cm <sup>2</sup> - Nhiệt độ tối đa: 90 độ C - Lắp bằng kiểu: lắp ren
151	Ghế gấp bạt	Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: + Chiều cao: từ chân đến mặt ghế là 35cm, từ chân đến thành ghế là 68cm + Gập gọn lại kích thước 44×60cm - Vật liệu: + Khung ghế: inox 201, dày 0.7mm + Mặt ngồi / tựa lưng: Vải dù PU1680, không thấm nước - Màu sắc: xanh lính, đỏ đụn, xanh dương, màu nâu, màu đồng
152	Tuy ô cao su bộ tiêu độc Φ 25 (10m)	Xuất xứ: Việt Nam - Đường kính: 25 mm - Chiều dài: 10 mét - Vật liệu: Cao su tổng hợp chịu hóa chất, kháng mài mòn - Áp suất làm việc tối đa: 0,1 – 0,3 MPa - Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +80°C
153	Tuy ô cao su bộ tiêu độc Φ 25 (4m)	Xuất xứ: Việt Nam - Đường kính: 25 mm - Chiều dài: 4 mét - Vật liệu: Cao su tổng hợp chịu hóa chất, kháng mài mòn

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất làm việc tối đa: 0,1 – 0,3 MPa</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +80°C</li> </ul>
154	Kích thủy lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Kích thủy lực Kenbo 5 tấn hoặc tương đương</li> <li>- Tải trọng nâng tối đa: 5 tấn (5000 kg)</li> <li>- Chiều cao thấp nhất: 197 mm</li> <li>- Chiều cao nâng tối đa: 382 mm</li> <li>- Hành trình nâng: 125 mm</li> <li>- Đầu vận: 60 mm</li> <li>- Trọng lượng: 4,4 kg</li> <li>- Vật liệu: Thép hợp kim cao cấp, mối hàn công nghệ tiên tiến</li> <li>- Bảo hành: 6 tháng</li> </ul>
155	Dây bơm nhiên liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Đường kính: 12 mm</li> <li>- Vật liệu: Cao su chịu dầu</li> <li>- Áp suất làm việc tối đa: 0,6 – 1,5 MPa (6 – 15 bar)</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -20°C đến +80°C</li> <li>- Chiều dài: 3m</li> </ul>
156	Dây bơm hơi lốp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu: Cao su tổng hợp</li> <li>- Áp suất làm việc tối đa: 0,6 – 1,2 MPa (6 – 12 bar)</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -10°C đến +60°C</li> <li>- Đường kính: 6mm</li> <li>- Chiều dài: 6m</li> </ul>
157	Nến điện	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nhật Bản hoặc tương đương</li> <li>- Nến ống lõi sứ, có bột chống giãn nở, chống nhiễu tốt.</li> </ul>
158	Băng dính cách điện Nano	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Vật liệu nền: Nhựa PVC dẻo (Polyvinyl Chloride)</li> <li>- Lốp keo: Keo cao su tự nhiên (rubber adhesive)</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Đen</li> <li>- Kích thước cuộn tiêu chuẩn:</li> <li>+ Bề rộng: 18 mm</li> <li>+ Chiều dài: 20 m</li> <li>+ Độ dày: ~0,11 – 0,13 mm</li> <li>- Độ bền kéo (Tensile Strength): <math>\geq 20</math> N/cm</li> <li>- Độ dính (Adhesion to steel): <math>\geq 1,8</math> N/cm</li> <li>- Điện áp chịu đựng (Dielectric strength): <math>\geq 600</math> V – 1.000 V</li> <li>- Khả năng chịu nhiệt: <math>-10^{\circ}\text{C} \rightarrow +80^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Khả năng chống cháy: Tự tắt khi loại bỏ nguồn lửa</li> </ul>
159	Đồng hồ đo áp suất hơi lỏng	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Đồng hồ đo áp suất hơi lỏng MД 209 (0,4 - 4) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải đo áp suất: 0,4 – 4 kgf/cm<sup>2</sup> (~0,04 – 0,4 MPa)</li> <li>- Đơn vị hiển thị: kgf/cm<sup>2</sup></li> <li>- Loại cơ cấu: Cơ học, kim hiển thị</li> <li>- Đường kính mặt số: 50 – 60 mm</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: <math>-40^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+50^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Vật liệu: Thép, đồng thau và kính che mặt số</li> <li>- Trọng lượng: 0,2 – 0,3 kg</li> </ul>
160	Máy nén khí + dây	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Máy nén khí + dây CO - 7A; 6073 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
161	Tuy ô hơi máy nén khí	<p>Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 10m</li> <li>- Vật liệu: PU</li> <li>- Áp suất làm việc tối đa: 0,6 – 1,0 MPa (6 – 10 bar)</li> <li>Nhiệt độ làm việc: <math>-10^{\circ}\text{C}</math> đến <math>+60^{\circ}\text{C}</math></li> <li>- Tính năng: Kháng hóa chất; Kháng mài mòn</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối: Khớp nối nhanh</li> <li>- Chiều dài: 15m</li> </ul>
162	Đèn khò	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Gas sử dụng: Lon gas mini</li> <li>- Công suất: 1,850 Watt</li> <li>- Lượng gas tiêu thụ: 135g/h</li> <li>- Hệ thống sấy gas: Có</li> <li>- Đánh lửa tự động: Có</li> <li>- Nhiệt độ đầu khò: 1.400°C (khi tăng gió) 300°C (khi giảm gió)</li> <li>- Kích thước: D184 x R39 x C79 mm</li> <li>- Trọng lượng: 137g</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Bộ thân đèn khò: Nhựa PA</li> <li>+ Núm đánh lửa: nhựa ABS chịu nhiệt</li> <li>+ Ống lửa: Inox 304</li> <li>+ Sấy gas: Ống đồng 2mm</li> </ul>
163	Tuy ô của thiết bị nén khí đến TB hút bụi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>- Vật liệu: PVC</li> <li>- Đường kính: 22mm</li> <li>- Áp suất làm việc tối đa: 0,6 – 1,0 MPa (6 – 10 bar)</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -10°C đến +60°C</li> <li>- Kháng hóa chất: Chịu được dầu, mỡ và các hạt bụi cơ khí</li> <li>- Kháng mài mòn: Có lớp chịu mài mòn, đặc biệt với bụi kim loại</li> <li>- Kết nối: khớp nối nhanh</li> </ul>
164	Máy bơm nhiên liệu (Động cơ điện 12V)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Máy bơm nhiên liệu (Động cơ điện 12V) BHK - 12Г (28470196) hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp hoạt động: 12 V DC</li> <li>- Dòng tiêu thụ: Khoảng 6 – 10 A</li> <li>- Lưu lượng: 30 – 60 L/h</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất làm việc: 0,1 – 0,3 MPa</li> <li>- Loại nhiên liệu: Xăng, dầu diesel, hoặc nhiên liệu tương thích</li> <li>- Kết nối: Ống vào – ống ra bằng ren hoặc khớp nối tiêu chuẩn</li> <li>- Nhiệt độ môi trường: -40°C đến +80°C</li> <li>- Trọng lượng: 0,5 – 0,8 kg</li> </ul>
165	Dây cáp điện 2 đầu cắm (3 pha)	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp điện 2 đầu cắm (3 pha) IUK- 4x25 (4C x 4,0) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 4 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 4,0 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện mềm</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> <li>- Điện áp định mức: 380 – 400 V AC (3 pha)</li> <li>- Dòng điện định mức: Khoảng 20 – 25 A</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C</li> </ul>
166	Dây cáp điện 1 đầu cắm (3 pha)	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp điện 1 đầu cắm (3 pha) IUK- 4x25 (4C x 4,0) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 4 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 4,0 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện mềm</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> <li>- Điện áp định mức: 380 – 400 V AC (3 pha)</li> <li>- Dòng điện định mức: Khoảng 20 – 25 A</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C</li> </ul>
167	Dây cáp điện nối chuyển tiếp (2 pha)	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp điện nối chuyển tiếp (2 pha) IUP 20 - II2HГ 6 (2C x 4,0) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 2 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 4,0 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện mềm</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện áp định mức: 220 – 380 V AC</li> <li>- Dòng điện định mức: Khoảng 20 – 25 A</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C</li> </ul>
168	Dây cáp điện 1 ổ + 1 phích cắm	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp điện 1 ổ + 1 phích cắm TP 43 -Y2 (2C x 2,5) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 2 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 2,5 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện mềm</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> <li>- Điện áp định mức: 220 – 250 V AC</li> <li>- Dòng điện định mức: 16 – 20 A</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C</li> </ul>
169	Dây cáp nguồn 1 phích, 1 ổ đa năng	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp nguồn 1 phích, 1 ổ đa năng 5A 27B WUP-51 (2C x 4,0) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 2 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 4,0 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện mềm</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> <li>- Điện áp định mức: 220 – 250 V AC</li> <li>- Dòng điện định mức: 20 – 25 A</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C</li> <li>- Màu vỏ: đen hoặc xanh, đỏ</li> </ul>
170	Dây cáp 1 đầu cắm	<p>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</p> <p>Dây cáp 1 đầu cắm WUP 20 - П2HUI 6 (2C x 2,5) hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lõi dây: 2 lõi</li> <li>- Tiết diện lõi: 2,5 mm<sup>2</sup></li> <li>- Chất liệu lõi: Đồng bện</li> <li>- Lớp cách điện: PVC</li> <li>- Điện áp định mức: 300 – 500 V</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		Dòng điện định mức: Khoảng 16 – 20 A - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +70°C - Màu vỏ: Thường đen, đỏ hoặc xanh, tùy cực và chuẩn đấu nối
171	Dây cáp mát	Xuất xứ: Việt Nam - Loại dây: Dây cáp mát (dây dẫn cực âm) - Đường kính ruột dẫn (Φ): 14 mm - Chất liệu ruột dẫn: Đồng bện mềm - Số sợi dẫn: Nhiều sợi nhỏ bện lại - Lớp cách điện: PVC - Điện áp định mức: 600V – 1000V - Dòng điện định mức: 100 – 120 A - Nhiệt độ làm việc: -40°C đến +90°C - Màu vỏ: Đen - Khả năng chống cháy: Theo tiêu chuẩn IEC 60332
172	Quạt thông gió	Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: 1220X1220X400 - Điện áp: 12V - Công suất: 1.1Kw - Lưu lượng gió: 39500 m <sup>3</sup> /h - Loại truyền động: gián tiếp - Vật liệu: Vỏ tôn mạ kẽm - Cánh- lá chớp: Inox 403
173	Tấm lót sàn thùng	Xuất xứ: Việt Nam - Là cao su tự nhiên đã được lưu hóa cán mỏng, kích thước dài 2,8m x rộng 1,41m. Năm sản xuất 2025. Mới 100%, chưa qua sử dụng, xuất xứ, nhãn mác rõ ràng.
174	Bơm mỡ bằng tay kiểu pít-ton	Xuất xứ: Mỹ hoặc tương đương - Mã sản phẩm: UAA3 T 11 87 hoặc tương đương - Loại bơm: Bơm mỡ bằng tay kiểu pít-tông - Dung tích chứa mỡ: 1 kg

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp suất làm việc: Khoảng 250–300 bar</li> <li>- Cấu tạo: Thân bơm bằng kim loại chắc chắn, tay cầm bọc cao su hoặc nhựa chống trượt</li> <li>- Đầu ra: Ống dẫn mỡ có đầu nối phù hợp với các loại đầu nối tiêu chuẩn</li> <li>- Tính năng: Bôi trơn các chi tiết máy móc, thiết bị công nghiệp, ô tô, xe máy, máy nông nghiệp</li> </ul>
175	Mũ có tai nghe	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Mũ có tai nghe (TI.II-3) CTY1208-712-64 hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
176	Thiết bị kiểm tra máy phát và động cơ khởi động	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Thiết bị kiểm tra máy phát và động cơ khởi động P 50 (THII 213) hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp kiểm tra: 12V và 24V</li> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>
177	Dây cáp nguồn TB kiểm tra máy phát	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Dây cáp nguồn TB kiểm tra máy phát IIP28JI7HT9 (0884 H 363) hoặc tương đương</li> <li>- Điện áp làm việc: 12V hoặc 24V</li> <li>- Dòng điện tối đa: Thường từ 10A đến 50A</li> <li>- Loại dây: Dây dẫn bằng đồng có khả năng dẫn điện tốt và bền bỉ</li> <li>- Vỏ cách điện: Chất liệu nhựa PVC chống cháy, bảo vệ an toàn cho người sử dụng</li> <li>- Đầu nối: Kẹp cách điện hoặc đầu nối chuyên dụng phù hợp với thiết bị kiểm tra và nguồn điện</li> <li>- Chiều dài dây: 5m</li> <li>- Màu sắc: Thường có màu đỏ cho dây dương và màu đen cho dây âm để dễ phân biệt</li> </ul>
178	Thiết bị kiểm tra độ kín	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Nga hoặc tương đương</li> <li>Thiết bị kiểm tra độ kín II II CY hoặc tương đương</li> <li>- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất</li> <li>- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
179	Kính hiệu chỉnh súng máy	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Kính hiệu chỉnh súng máy TXII - 7 - 195 (NB,Д230566) hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
180	Dây dẫn chống nhiễu 1 x 2,5	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Tiết diện: 2.5mm <sup>2</sup> - Điện áp: 300/500V – 0.6/1kV - Màu vỏ: Xám - Chất liệu: Lõi đồng nguyên chất 99,97% và vỏ PVC - Chiều dài cuộn: 100m
181	Dây dẫn chống nhiễu 1 x 1,5	Xuất xứ: Hàn Quốc hoặc tương đương - Loại cáp: Cáp điều khiển chống nhiễu có lưới - Tiết diện: 1.5mm <sup>2</sup> - Điện áp: 300/500V – 0.6/1kV (thông số tiêu chuẩn của dòng cáp điều khiển chống nhiễu) - Màu vỏ: Xám - Chất liệu: Lõi đồng nguyên chất 99,97% và vỏ PVC - Chiều dài cuộn: 100m
182	Dụng cụ đẩy chốt dưới giảm sóc thủy lực	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Dụng cụ đẩy chốt dưới giảm sóc thủy lực 765.100 CB 118 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
183	Dụng cụ để ép vành đai cần giảm sóc thủy lực	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Dụng cụ ép vành đai cần giảm sóc thủy lực 765.100 CB 102 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
184	Dụng cụ vạm cần gạt bộ giảm sóc thủy lực	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Dụng cụ vạm cần gạt bộ giảm sóc thủy lực 740-99-C6-113-2 hoặc tương đương

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
185	Dụng cụ tháo, lắp nút bình thủy lực	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Dụng cụ tháo, lắp nút bình thủy lực (IIT - 760) 740.99.140 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
186	C lê vận đai ốc cố định bánh chủ động	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương C lê vận đai ốc cố định bánh chủ động 54.28.228 CBA hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
187	C lê vận đai ốc nút bánh dẫn hướng	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương C lê vận đai ốc nút bánh dẫn hướng 54.28.632 - 1Г hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
188	Thiết bị tản dầu (Động cơ điện)	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Thiết bị tản dầu (Động cơ điện) ПОДТОРЕВ (220/380V) hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
189	Biến áp (thiết bị chuyển đổi)	Xuất xứ: Nga hoặc tương đương Biến áp (thiết bị chuyển đổi) TUM TC 3 H - 2,5 YXJ2 hoặc tương đương - Thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn nhà sản xuất - Hàng mới 100% chưa qua sử dụng
190	Keo dán chống dột	Xuất xứ: Malaysia hoặc tương đương Keo chống dột X'traseal BT-330 hoặc tương đương - Kích thước (R × Dài): 10 cm × 10 m - Tổng độ dày: ~ 1.5 mm - Lớp mặt ngoài: Màng nhôm PE - Lớp keo: Bituminous

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp lót: Silicone liner</li> <li>- Độ bền kéo: &gt; 40 N/mm<sup>2</sup> (ASTM D-1000)</li> <li>- Độ giãn dài: 50 % (ASTM D-1000)</li> <li>- Độ bám dính: ≥ 40 N/25 mm (ASTM D-1000)</li> <li>- Nhiệt độ thi công: +5 °C đến +45 °C</li> <li>- Nhiệt độ sử dụng: -20 °C đến +80 °C</li> <li>- Kháng UV: Có</li> <li>- Bảo quản: +10 °C đến +30 °C, nơi khô ráo, thoáng mát</li> </ul>
191	Keo dán gỗ	<p>Xuất xứ: Mỹ hoặc tương đương</p> <p>Keo Dán Gỗ Titebond hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hóa học: Cross-linking Polyvinyl acetate</li> <li>- Độ bay hơi (VOC): 13.7 g/L</li> <li>- Dạng thể: chất lỏng</li> <li>- Trọng lượng/gallon 9.1 lbs (~4.13 kg)</li> <li>- Màu: vàng mật ong</li> <li>- Nhiệt độ tối hạn: Khoảng 55°F (13°C)</li> <li>- Màu keo khi khô: không màu</li> <li>- Nhiệt độ cháy thấp nhất : &gt;200°F (93°C)</li> <li>- Tỷ lệ % chất rắn: 48%</li> <li>- Độ ổn định khi đông đá/ rã đông: ổn định</li> <li>- Độ nhớt: 4,000 cps</li> </ul>
192	Vít, bu lông Inox	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <p>1. Vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Inox 304(chịu ăn mòn cao, bền cơ học).</li> <li>- Kích thước: M4 x 10 mm; M4 x 20 mm; M4 x 30 mm; M5 x 25 mm; M6x30</li> <li>- Kiểu đầu vít: Đầu tròn</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: TCVN</li> </ul> <p>2. Bu lông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Inox 304(chịu ăn mòn cao, bền cơ học).</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: M6x20; M6x30; M6x50; M8x25; M5x35; M4x10; M5x15; M4x40</li> <li>- Kiểu đầu vít: Đầu tròn</li> <li>- Tiêu chuẩn sản xuất: TCVN</li> </ul>
193	Băng dính giấy	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu lớp nền: Giấy crepe, có độ dai và đàn hồi nhẹ.</li> <li>- Lớp keo: Keo cao su tự nhiên</li> <li>- Màu sắc: Trắng ngà, vàng nhạt hoặc nâu.</li> <li>- Khô rộng tiêu chuẩn: 5cm</li> <li>- Chiều dài cuộn: 30m</li> <li>- Độ dính (Adhesion to steel): ~3 – 6 N/25mm.</li> <li>- Độ bền kéo (Tensile strength): ~60 – 80 N/25mm.</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -10°C đến +60°C</li> </ul>
194	Băng dính cách điện Nano	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu nền: Nhựa PVC dẻo (Polyvinyl Chloride)</li> <li>- Lớp keo: Keo cao su tự nhiên (rubber adhesive)</li> <li>- Màu sắc: Đen</li> <li>- Kích thước cuộn tiêu chuẩn:</li> <li>+ Bề rộng: 18 mm</li> <li>+ Chiều dài: 20 m</li> <li>+ Độ dày: ~0,11 – 0,13 mm</li> <li>- Độ bền kéo (Tensile Strength): <math>\geq 20</math> N/cm</li> <li>- Độ dính (Adhesion to steel): <math>\geq 1,8</math> N/cm</li> <li>- Điện áp chịu đựng (Dielectric strength): <math>\geq 600</math> V – 1.000 V</li> <li>- Khả năng chịu nhiệt: -10°C <math>\rightarrow</math> +80°C</li> <li>- Khả năng chống cháy: Tự tắt khi loại bỏ nguồn lửa</li> </ul>
195	Chổi đánh ri bát	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính chổi: 100mm</li> <li>- Chất liệu: Sợi thép kim loại mềm và chắc, không bị bung, gãy sợi khi sử dụng</li> <li>- Tính năng: Làm sạch gỉ sét trên các bề mặt kim loại có diện tích rộng.</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
196	Giáp trà máy hơi	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính (D): Ø120 mm</li> <li>- Độ hạt (Grit size): A80; A240</li> <li>- Chất liệu hạt mài: Nhôm oxit (Aluminum Oxide) hoặc Zirconia Alumina (tùy hãng)</li> <li>- Keo dán hạt: Nhựa phenolic chịu nhiệt</li> <li>- Đế nhám: Giấy Latex</li> <li>- Độ dày: 0,6 – 0,8 mm</li> <li>- Tốc độ làm việc tối đa (Max RPM): 10.000 – 12.000 vòng/phút</li> <li>- Màu sắc: Nâu/đỏ (AlOx), xanh (Zirconia), vàng (Ceramic,...)</li> </ul>
197	Giáp trà máy điện	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính (D): Ø100 mm</li> <li>- Độ hạt (Grit size): A180</li> <li>- Chất liệu hạt mài: Nhôm oxit (Aluminum Oxide)</li> <li>- Keo dán hạt: Nhựa phenolic chịu nhiệt cao</li> <li>- Đế nhám: Giấy latex dẻo</li> <li>- Độ dày tấm nhám: 0,5 – 0,8 mm</li> <li>- Tốc độ làm việc tối đa (Max RPM): 10.000 – 12.000 vòng/phút</li> <li>- Khối lượng riêng: ~ 5 – 7 g/tấm</li> </ul>
198	Mặt nạ phòng độc	<p>Xuất xứ: Mỹ hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu thân mặt nạ: Cao su mềm ôm khít khuôn mặt, không gây kích ứng da.</li> <li>- Van thở: Có van thở ra một chiều giúp giảm nhiệt và độ ẩm bên trong.</li> <li>- Dây đeo: 2 – 4 điểm, có thể điều chỉnh độ dài, đàn hồi tốt.</li> <li>- Kích cỡ: M (trung bình), L (lớn).</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -10°C ~ +50°C.</li> <li>- Độ kín khí: Đạt chuẩn kiểm định fit-test.</li> <li>- Mức lọc: Đạt tiêu chuẩn NIOSH (Mỹ), EN (Châu Âu).</li> </ul>
199	Lõi mặt nạ phòng độc	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu lọc: Than hoạt tính + sợi thủy tinh</li> <li>- Đường kính: 40 mm</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Khả năng lọc: $\geq 95\%$ hạt bụi, hơi hữu cơ, khí độc (theo chuẩn NIOSH hoặc EN 14387/EN 143)
200	Chổi quét sơn cán nhựa	Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước bề rộng lông: 75 mm - Chiều dài lông: 30 – 35 mm - Chất liệu lông: Lông tổng hợp (Nylon, Polyester) - Cán chổi: Nhựa PP (Polypropylene) - Đường kính cán: ~25 mm, dài 150 – 200 mm - Khối lượng: 80 g - Màu sắc: Cán nhựa xanh / đỏ / vàng, lông trắng hoặc vàng nâu
201	Dầu pha sơn Butin	Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương - Công thức hóa học: $C_6H_{12}O_2$ - Màu sắc: Không màu, trong suốt - Mùi: Ngọt ngào, giống mùi chuối hoặc táo - Trạng thái: Lỏng - Tỷ trọng: ~0.88 – 0.89 g/cm <sup>3</sup> - Điểm sôi: ~126°C - Điểm đóng băng: ~-78°C - Điểm bắt cháy: ~24°C - Độ hòa tan: Ít tan trong nước (~0.68 g/100 mL ở 20°C), tan tốt trong hầu hết các dung môi hữu cơ như alcohol, glycol, ester, ketone . - Độ bay hơi: Dễ bay hơi, giúp sơn khô nhanh . - Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ (tùy nhà cung cấp)
202	Giấy giáp nước	Xuất xứ: Mỹ hoặc tương đương - Chất liệu nền: Giấy Kraft có khả năng chịu nước và độ bền cao. - Độ mịn đạt chuẩn: Chuẩn hóa độ hạt từ 240 → 2000 theo tiêu chuẩn châu Âu / ANSI - Chất liệu hạt mài: Oxit nhôm ( $Al_2O_3$ )

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
203	Keo dán	<p>Xuất xứ: Thái Lan hoặc tương đương</p> <p>Keo dán X66 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Vàng nhạt</li> <li>- Hình dáng: Chất lỏng sệt</li> <li>- Thành phần chính: Cao su tổng hợp và dung môi hữu cơ (Toluene)</li> <li>- Độ nhớt: <math>200 \pm 50</math> cps</li> <li>- Hàm lượng chất rắn: <math>15 \pm 0.5\%</math></li> <li>- Thời gian khô bề mặt: 10–15 phút</li> <li>- Thời gian kết dính tối ưu: Trong vòng 30 phút sau khi bôi</li> <li>- Khả năng chịu nhiệt: Tốt, phù hợp với môi trường thay đổi nhiệt độ</li> </ul>
204	Giẻ lau cotton	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 20 cm × 35 cm</li> <li>- Chất liệu: 100% cotton (bông tự nhiên), mềm mại, thấm hút tốt</li> <li>- Trọng lượng: ~50–80 g/m<sup>2</sup> (tùy loại cotton)</li> <li>- Màu sắc: trắng hoặc tự nhiên, không nhuộm hóa chất độc hại</li> </ul> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thấm nước và dung dịch hóa chất tốt</li> <li>+ Bền, không xơ rối khi giặt</li> <li>+ Không làm trầy xước bề mặt khi lau</li> </ul>
205	Găng tay sợi len	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: 100% sợi len tổng hợp hoặc tự nhiên</li> <li>- Trọng lượng: 60 g/đôi</li> <li>- Kích thước: size S, M, L, XL (chiều dài ~22–25 cm, chiều rộng lòng bàn tay ~9–11 cm)</li> <li>- Màu sắc: đa dạng (đen, xám, trắng, xanh, đỏ...)</li> </ul> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giữ ấm tốt, co giãn vừa phải</li> <li>+ Mềm mại, không gây ngứa da</li> <li>+ Bền, không xơ rối nhanh</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
206	Khẩu trang vải	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Lớp ngoài: vải cotton hoặc vải polyester, dệt chắc, thoáng khí</li> <li>+ Lớp trong: vải cotton mềm, thấm hút mồ hôi tốt</li> <li>- Số lớp: 2 lớp</li> <li>- Kích thước: Dài: 20 cmx Rộng 12 cm</li> <li>- Kiểu dáng:</li> <li>+ Dạng khẩu trang vải chữ nhật, may liền</li> <li>+ Dây đeo: chun mềm, hoặc dây vải buộc sau đầu</li> <li>- Đặc tính: Thoáng khí, dễ thở; Có thể giặt và tái sử dụng nhiều lần; Không gây kích ứng da</li> </ul>
207	Dầu bóng 2K	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Nhựa tổng hợp, Polyol Acrylic 75%, dung môi 14%, phụ gia hoạt động bề mặt 0.5%, chất xúc tác 0.5%.</li> <li>- Thời gian khô: Tối đa 0,5 giờ.</li> <li>- Độ bền va đập: Tối thiểu 45kg/cm<sup>2</sup>.</li> <li>- Hàm lượng không bay hơi: 80 – 90%.</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 5 – 6m<sup>2</sup>/kg/lớp.</li> </ul>
208	Bả ma tít Mika 2 thành phần	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại sản phẩm: Bả ma tít 2 thành phần (Base + Hardener)</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Base: nhựa polyester hoặc nhựa acrylic chuyên dụng</li> <li>+ Hardener: chất đóng rắn (catalyst) dạng lỏng</li> <li>- Tính chất:</li> <li>+ Bả mịn, bám dính tốt trên nhiều loại bề mặt (gỗ, kim loại, nhựa...)</li> <li>+ Có thể chà nhám dễ dàng, không bong tróc</li> <li>- Khô bề mặt: ~10–20 phút (tùy nhiệt độ, độ ẩm)</li> <li>- Khô cứng: ~30–60 phút, có thể sơn phủ sau khi bả 1–2 giờ</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùi: nhẹ, dùng nơi thông thoáng</li> <li>- Tính năng: Trám, bả lỗ, khuyết điểm trên bề mặt gỗ, kim loại</li> </ul>
209	Sơn trắng TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Màu sắc: Trắng (mã màu 900)</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lít/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> </ul>
210	Sơn lót Mika 2 thành phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Thành phần: Hai thành phần (phần A: sơn gốc; phần B: chất đóng rắn)</li> <li>- Tỷ lệ pha trộn: Phần A : Phần B = 1 : 4 (theo thể tích)</li> <li>- Dung môi pha loãng: Xăng thơm hoặc dung môi chuyên dụng</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: 5–10% (tùy thuộc vào điều kiện thi công và yêu cầu kỹ thuật)</li> <li>- Màu sắc: Ghi xám (grey)</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: Khoảng 10–12 m<sup>2</sup>/kg/lớp</li> <li>- Độ dày lớp sơn khô: 40–60 μm</li> <li>- Thời gian khô (ở 25°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 15–30 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1–2 giờ</li> </ul>
211	Sơn màu xanh quân sự TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Màu sắc: Xanh đen (Deep Green 803)</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lít/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Bề mặt màng sơn: Bóng</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Sơn : dung môi = 1 : 1 – 2</li> </ul>
212	Sơn đen TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam\</li> <li>- Màu sắc: Đen bóng (Black 814)</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lit/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Bề mặt màng sơn: Bóng</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Sơn : dung môi TOA Thinner #71 = 1 : 1 – 2</li> </ul>
213	Sơn vân búa Đại Bàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>Sơn vân búa Đại Bàng 01 (S.AS-VB) hoặc tương đương</li> <li>- Thành phần: Nhựa alkyd biến tính, bột màu, dung môi hữu cơ và các phụ gia đặc biệt.</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 100 – 150 g/m<sup>2</sup>/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 10 – 15 phút.</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 – 2 giờ.</li> <li>- Bề mặt màng sơn: Vân búa, bóng mờ.</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn.</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Pha tối đa 5% dung môi DMT3-AS</li> </ul>
214	Sơn vàng TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Mã màu: Yellow 881</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lit/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Sơn : dung môi TOA Thinner #71 = 1 : 1 – 2</li> </ul>
215	Sơn đỏ TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Mã màu: Post Office Red 885</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lit/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Sơn : dung môi TOA Thinner #71 = 1 : 1 – 2</li> </ul>
216	Sơn cánh dán TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Mã màu: 028 – Màu Cánh Gián</li> <li>- Thể tích: 1kg/hộp</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 15 – 17 m<sup>2</sup>/hộp</li> <li>- Thành phần: Acrylic polymer, bột màu nano, nước, phụ gia an toàn</li> <li>- Đặc tính: Không độc hại, không mùi, không chứa chì, thủy ngân hay crom</li> </ul>
217	Sơn màu nhũ TOA	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Mã màu: màu nhũ 909</li> <li>- Thành phần: Chất tạo màng, bột khoáng, phụ gia và dung môi</li> <li>- Độ phủ lý thuyết: 12 – 16 m<sup>2</sup>/lit/lớp</li> <li>- Thời gian khô (tại 30°C):</li> <li>+ Khô bề mặt: 6 phút</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Sơn lớp kế tiếp: 10 phút</li> <li>+ Khô hoàn toàn: 1 giờ</li> <li>- Ứng dụng: Trang trí và bảo vệ bề mặt gỗ, kim loại</li> <li>- Dụng cụ thi công: Cọ quét, con lăn, súng phun sơn</li> <li>- Tỷ lệ pha loãng: Sơn : dung môi TOA Thinner #71 = 1 : 1 – 2</li> </ul>
218	Sơn xanh dương Kim Sơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Mã màu: xanh dương 1069</li> <li>Thành phần cấu tạo: Nhựa tổng hợp Alkyd 20%, Nitrocellulose 15%, Dung môi 13%, Phụ gia 52%</li> <li>- Các chỉ tiêu kỹ thuật:</li> <li>+ Độ mịn max 25<math>\mu</math>m</li> <li>+ Độ phủ max 125</li> <li>+ Độ bóng quang hợp (góc tới 60°) min 88</li> <li>+ Thời gian khô max 1,5h</li> <li>+ Hàm lượng chất không bay hơi 40%</li> </ul>
219	Máy đánh ri Bosch	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Trung Quốc hoặc tương đương</li> <li>Bosch GWS 7-100ET hoặc tương đương</li> <li>- Tốc độ không tải: 11000 vòng/phút</li> <li>- Đường kính đĩa: 100 mm</li> <li>- Đầu vào công suất định mức: 720 W</li> <li>- Tấm mài bằng cao su, đường kính: 100 mm</li> <li>- Ren trục bánh mài: M10</li> <li>- Chổi nắp con sợi thép, đường kính: 70 mm</li> <li>- Trọng lượng không tính cáp: 1,8 kg</li> </ul>
220	Máy trà ma tit	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương</li> <li>Máy trà ma tit Yunica YS-288B hoặc tương đương</li> <li>- Đường kính đế nhám: 125mm (5") hoặc 150mm (6")</li> <li>- Đường kính quỹ đạo: 5mm</li> <li>- Tốc độ không tải: 10.000 vòng/phút</li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trọng lượng: 0.86 kg</li> <li>- Đầu khí vào: 1/4"</li> <li>- Lưu lượng khí tiêu thụ: 7.2 l/s</li> <li>- Kích thước tổng thể: 175 x 123 x 91mm</li> <li>- Áp suất làm việc: 5-7 kg/cm<sup>2</sup></li> </ul>
221	Súng phun sơn Prona	<p>Xuất xứ: Đài Loan hoặc tương đương Súng phun sơn Prona R21X-S13 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại: Bình dưới</li> <li>- Đường kính kim béc (mm): 1.3</li> <li>- Khoảng cách phun (mm): 200</li> <li>- Áp lực hơi vào (Mpa): 0.29</li> <li>- Lượng khí tiêu thụ (l/min): 170</li> <li>- Lưu lượng sơn ra (ml/min): 180</li> <li>- Bàn rộng phun (mm): 210</li> <li>- Trọng lượng (g): 440</li> <li>- Bình chứa sơn: 600ml</li> </ul>
222	Dao bả	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ (inox)</li> <li>- Kích thước lưỡi dao: 150mm</li> <li>- Độ dày lưỡi dao: 1.5mm</li> <li>- Cán dao: làm bằng nhựa</li> <li>- Trọng lượng: 250g</li> <li>- Tính năng: Phủ bả, trét tường, trần, sàn, xử lý bề mặt gỗ, kim loại, nhựa.</li> </ul>
223	Bìa cát tông	<p>Xuất xứ: Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Giấy cát tông</li> <li>- Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chiều dài: 1,05 m</li> <li>+ Chiều rộng: 0,8 m</li> <li>+ Độ dày: 0,02 m (20 mm)</li> </ul> </li> </ul>

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chịu lực:</li> <li>+ Chịu nén dọc: ~5–8 tấn/m<sup>2</sup></li> <li>+ Chịu kéo: ~1–2 tấn/m<sup>2</sup></li> <li>- Màu sắc: Nâu tự nhiên của giấy</li> </ul>
224	Đệm Amiăng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Chất liệu: Amiăng (Asbestos) tự nhiên</li> <li>- Độ dày: 2 cm</li> <li>- Kích thước: 1,2 m × 2 m</li> <li>- Màu sắc: Xám nhạt hoặc trắng</li> <li>- Trọng lượng: Khoảng 3–4 kg/m<sup>2</sup></li> <li>- Tính chất vật lý:</li> <li>+ Chịu nhiệt: 400–600 °C</li> <li>+ Chống cháy: Tự dập tắt, không bắt lửa</li> <li>+ Cách điện tốt</li> <li>+ Chịu mài mòn và hóa chất nhẹ</li> </ul>
225	Xà phòng Ô mô	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất xứ: Việt Nam</li> <li>- Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt anion/nonion (tẩy sạch vết bẩn); Chất làm mềm vải; Chất chống tái bẩn; Hương liệu</li> <li>- Màu sắc: Trắng, xanh dương hoặc xanh lá</li> <li>- Độ pH: 7–9</li> <li>- Tính năng: Tẩy các vết bẩn, dầu mỡ</li> </ul>

### 1.3. Các yêu cầu khác:

- Tất cả các yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa là yêu cầu tối thiểu. Khuyến khích việc Nhà thầu chào thầu với thông số kỹ thuật cao hơn nhưng không làm tăng giá gói thầu. Quy cách, kích thước, hình dáng của hàng hoá cung cấp phải có cùng quy cách, kích thước, hình dáng hàng hoá mẫu theo chủ đầu tư yêu cầu (nhà thầu có thể cử nhân viên gặp chủ đầu tư để đo kích thước hàng mẫu trước khi đàm phán hoàn thiện hợp đồng).

- Hàng hóa sản xuất năm 2025.

- Thời gian bảo hành: Không dưới 12 tháng cho tất cả các vật tư, phụ tùng.

- Nhà thầu tham dự thầu phải nộp 1 bộ E-HSDT bản gốc cho bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu khi quá trình đối chiếu tài liệu. Địa chỉ nhận hồ sơ E-HSDT tại Kho J102, Xã Phú Sơn, Tỉnh Ninh Bình

- Nhà thầu phải cam kết bất kì hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mời thầu có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa tương đương khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết nhưng vẫn đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật yêu cầu. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu. Trong trường hợp này nhà thầu đã không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng ký kết.

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Khi có yêu cầu về việc cung cấp hàng hoá, bên mua hoặc bên bán sẽ thông báo cho bên kia trước 05 ngày làm việc, để hai bên phối hợp cùng tổ chức kiểm tra nghiệm thu. Nội dung, cách thức tiến hành kiểm tra, nghiệm thu như sau:

Bước 1: Bên mua kiểm tra hồ sơ lô hàng. Trường hợp thiếu hồ sơ hoặc hồ sơ không đúng, trong biên bản phải quy định thời gian bên bán bổ sung đầy đủ hồ sơ lô hàng.

Bước 2: Kiểm tra, đối chiếu tính năng kỹ thuật tại hồ sơ kỹ thuật của hàng hoá với tính năng kỹ thuật quy định của hợp đồng.

Bước 3: Bên mua kiểm tra 100% lô hàng về số lượng, chủng loại, nhãn mác, năm sản xuất, nơi sản xuất và đối chiếu với quy định của hợp đồng.

- Sau quá trình kiểm tra nếu hàng hoá đáp ứng theo quy định của hợp đồng thì bên mua sẽ làm thủ tục nghiệm thu, bàn giao. Nếu sản phẩm nào sau kiểm tra không đạt chất lượng, bên mua yêu cầu trong thời hạn tối đa 05 ngày bên bán phải khắc phục, thay thế hàng hoá đảm bảo chất lượng như hợp đồng quy định, quy trình kiểm tra như lần đầu, mọi chi phí và mức khấu trừ bồi thường do vi phạm chậm hợp đồng bên bán chịu.

- Quá thời hạn nêu trên mà bên bán không thực hiện, bên mua có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và bên bán phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ kinh phí đã tạm ứng và chịu mọi phí tổn mà bên bán đã thực hiện.

- Chi phí cho công tác kiểm tra, nghiệm thu hàng hoá: Toàn bộ chi phí phục vụ cho việc kiểm tra, nghiệm thu do bên bán chịu, đã được tính trong giá trị chào thầu.